

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----



**ISO9001:2008**

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Ngô Thị Lê Phương**  
**Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

-----

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Ngô Thị Lê Phương  
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Phạm Thị Nga**

**HẢI PHÒNG - 2014**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Ngô Thị Lê Phương

Mã SV: 1213401086

Lớp: QTL 603K

Ngành: Kế toán - Kiểm Toán.

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Việt Úc

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

.....

.....

.....

## CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

### Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

### Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 06 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

*Người hướng dẫn*

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2014*

**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

## PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

**1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....  
.....

**3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

.....  
.....  
.....

*Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2014*

**Cán bộ hướng dẫn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

# MỤC LỤC

<b>LỜI MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH .....</b>	<b>2</b>
1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH. ....	2
1.1.1 Doanh thu .....	2
1.1.1.1 Khái niệm về doanh thu .....	2
1.1.1.2 Các loại doanh thu.....	2
1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu .....	3
1.1.3 Chi phí .....	4
1.1.3.1 Khái niệm về chi phí .....	4
1.1.3.2 Các loại chi phí.....	4
1.1.4 Kết quả kinh doanh .....	6
1.1.4.1 Khái niệm kết quả kinh doanh .....	6
1.1.4.2 Các loại kết quả kinh doanh .....	6
1.1.4.3 Cách xác định kết quả kinh doanh .....	7
1.2 TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	7
1.2.1 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	7
1.2.2 Tổ chức kế toán doanh thu .....	8
1.2.2.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. ....	8
1.2.2.2 Doanh thu hoạt động tài chính .....	9
1.2.2.3 Thu nhập khác .....	10
1.2.4 Các khoản giảm trừ doanh thu .....	13
1.2.4 Tổ chức kế toán chi phí.....	14
1.2.4.1 Giá vốn hàng bán.....	14
1.2.4.2 Chi phí tài chính .....	17
1.2.4.3 Chi phí quản lý kinh doanh .....	20
1.2.4.4 Chi phí khác .....	22
1.2.5 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	24
1.2.6 Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp. ....	26

1.2.6.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung .....	26
1.2.6.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái .....	27
1.2.6.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	28
1.2.6.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ .....	29
1.2.6.5 Hình thức kế toán máy .....	30
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC .....</b>	<b>32</b>
2.1 GIỚI THIỆU CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC.....	32
2.1.1 Khái quát chung .....	32
2.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển công ty.....	33
2.1.3 Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh .....	34
2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc. ....	36
2.1.5 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc. ....	37
2.1.6 Hình thức hạch toán kế toán.....	38
2.1.7 Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty .....	39
2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC.....	39
2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu .....	39
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	39
2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính .....	45
2.2.1.3 Kế toán thu nhập khác.....	49
2.2.2 Thực trạng công tác kế toán chi phí.....	53
2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....	53
2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính .....	58
2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh .....	62
2.2.2.4 Kế toán chi phí khác.....	66
2.2.3 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	71
<b>CHƯƠNG 3: MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC .....</b>	<b>81</b>



3.1 NHẬN XÉT CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC.....	81
3.1.1 Ưu điểm.....	81
3.1.1.1 Về bộ máy kế toán.....	81
3.1.1.2 Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng.....	82
3.1.2 Hạn chế.....	83
3.2 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC. ....	84
3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện.....	84
3.2.2 Nguyên tắc của việc hoàn thiện .....	84
3.2.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	85
<b>KẾT LUẬN</b> .....	91

**LỜI MỞ ĐẦU**

----- \*\*\* -----

Trong nền kinh tế hiện nay, bất kì một doanh nghiệp, một công ty nào khi bước vào lĩnh vực kinh doanh thì mục tiêu hướng tới đều là lợi nhuận. Khi công ty muốn tồn tại, phát triển và muốn đứng vững trên thị trường thì việc kinh doanh phải có lợi nhuận. Để đạt được mục đích đó thì đầu ra hay nói cách khác là kết quả tiêu thụ một sản phẩm là một trong những điều kiện quan trọng mà doanh nghiệp, công ty cần phải quan tâm đến. Muốn mang lại hiệu quả cao nhất cho doanh nghiệp thì công ty phải đánh giá thế mạnh, điểm yếu, sức cạnh tranh, yếu tố cung cầu của xã hội để từ đó khắc phục những điểm yếu của mình đồng thời phát huy mọi ưu điểm để công ty đạt được lợi nhuận cao nhất tiến tới khẳng định vị trí trên thị trường. Để hoạt động của công ty được tiến hành thuận lợi thì công việc kế toán là rất quan trọng, cuối quý việc xác định kết quả kinh doanh phải kịp thời, chính xác, giúp nhà quản lí nắm vững tình hình công ty, nắm bắt cơ hội kinh doanh khiến cho doanh nghiệp ngày càng phát triển.

Nhận thấy tầm quan trọng của ngành nghề kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng nên em chọn đề tài: “ **Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc**” để làm khóa luận tốt nghiệp với mong muốn tìm hiểu rõ hơn thực tiễn hoạt động tại đơn vị.

Đề tài được chia làm 3 chương, cụ thể:

- Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
- Chương 2: Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc
- Chương 3: Một số nhận xét và kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

**CHƯƠNG 1:****NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH  
KẾT QUẢ KINH DOANH****1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.****1.1.1 Doanh thu****1.1.1.1 Khái niệm về doanh thu**

Doanh thu là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ bên thứ ba không phải là nguồn lợi ích kinh tế, không làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp sẽ không được coi là doanh thu (Ví dụ: Khi người nhận đại lý thu hộ tiền bán hàng cho đơn vị chủ hàng, thì doanh thu của người nhận đại lý chỉ là tiền hoa hồng được hưởng). Các khoản góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu làm tăng vốn chủ sở hữu nhưng không là doanh thu.

**1.1.1.2 Các loại doanh thu**

***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:*** là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu sau:

- Bán hàng: Bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.
- Cung cấp dịch vụ: Thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong một kỳ, hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động....

***Doanh thu hoạt động tài chính:*** Dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi Ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu, tín phiếu;.....
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn;
- Thu nhập về thu hồi hoặc thanh lý các khoản vốn góp liên doanh, đầu tư vào công ty con, đầu tư vốn khác;

- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác;
- Lãi tỷ giá hối đoái;
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ;
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác;

**Thu nhập khác:** Dùng để phản ánh các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc những khoản không mang tính chất thường xuyên, bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã được xử lý xóa sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

### **1.1.2 Các khoản giảm trừ doanh thu**

**Chiết khấu thương mại:** Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ, hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng (sản phẩm, hàng hóa), dịch vụ với khối lượng lớn và theo thỏa thuận bên bán sẽ dành cho bên mua một khoản chiết khấu thương mại (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua hàng).

**Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị của sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

**Giảm giá hàng bán:** Là khoản giảm trừ của doanh nghiệp cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

**Thuế tiêu thụ đặc biệt:** Là loại thuế đánh trên hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt tại một khâu duy nhất là khâu sản xuất hoặc nhập khẩu, đây là thuế gián thu được cấu thành trong giá bán sản phẩm.

**Thuế xuất khẩu:** Là một loại thuế gián thu, phải nộp khi xuất khẩu loại hàng hóa phải chịu thuế xuất khẩu.

**Thuế giá trị gia tăng:** Là số thuế tính trên phần giá trị tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh từ quá trình sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.

### 1.1.3 Chi phí

#### 1.1.3.1 Khái niệm về chi phí

**Chi phí:** Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

#### 1.1.3.2 Các loại chi phí

**Giá vốn hàng bán:** Là trị giá thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được tính theo 1 trong 4 phương pháp sau:

➤ Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng làm giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

➤ Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

➤ Phương pháp thực tế đích danh

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

➤ Phương pháp bình quân gia quyền

- Bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

$$\text{Trị giá hàng xuất kho} = \text{Số lượng hàng xuất kho} \times \text{Đơn giá bình quân}$$

- Bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập } i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập } i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập } i}$$

**Chi phí tài chính:** phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán... Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

**Chi phí quản lý kinh doanh:** Chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Chi phí bán hàng:** phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

- **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

**Chi phí khác:** phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp, bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có);

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

**Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** dùng để phản ánh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp bao gồm: chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ:

- + Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
- + Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

#### **1.1.4 Kết quả kinh doanh**

##### **1.1.4.1 Khái niệm kết quả kinh doanh**

**Kết quả kinh doanh:** Là số tiền lãi hay lỗ phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định.

##### **1.1.4.2 Các loại kết quả kinh doanh**

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:** Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí quản lý kinh doanh.

- **Kết quả hoạt động tài chính:** Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

- **Kết quả hoạt động khác:** Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

**1.1.4.3 Cách xác định kết quả kinh doanh**

Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí quản lý kinh doanh
---------------------------------	---	---	---	------------------	---	----------------------------

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ
---	---	---	---	--------------------

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	=	Doanh thu từ hoạt động tài chính	-	Chi phí hoạt động tài chính
----------------------------------	---	----------------------------------	---	-----------------------------

Lợi nhuận khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
----------------	---	---------------	---	--------------

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	=	Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng	+	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	+	Lợi nhuận khác
-----------------------------------	---	---------------------------------	---	----------------------------------	---	----------------

Lợi nhuận sau thuế TNDN	=	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	Chi phí thuế TNDN
-------------------------	---	-----------------------------------	---	-------------------

**1.2 TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

**1.2.1 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh**

Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi và đôn đốc các khoản phải thu của khách hàng.

Phản ánh và tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.

Cung cấp các thông tin kế toán phục vụ cho việc lập Báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

Kế toán xác định kết quả kinh doanh là điều kiện cần thiết để đánh giá kết quả sản xuất của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán nhất định, là cơ sở để tiến



hành phân phối lợi nhuận một cách chính xác theo đúng chủ trương chính sách của Nhà nước. Ngoài ra, kế toán xác định kết quả kinh doanh còn giúp cho doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó doanh nghiệp sẽ lựa chọn những phương án kinh doanh, phương án đầu tư hiệu quả nhất.

## **1.2.2 Tổ chức kế toán doanh thu**

### **1.2.2.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

#### ❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, giấy báo Có của Ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

#### ❖ Tài khoản sử dụng

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa*

*TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm*

*TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ*

*TK 5118: Doanh thu khác*

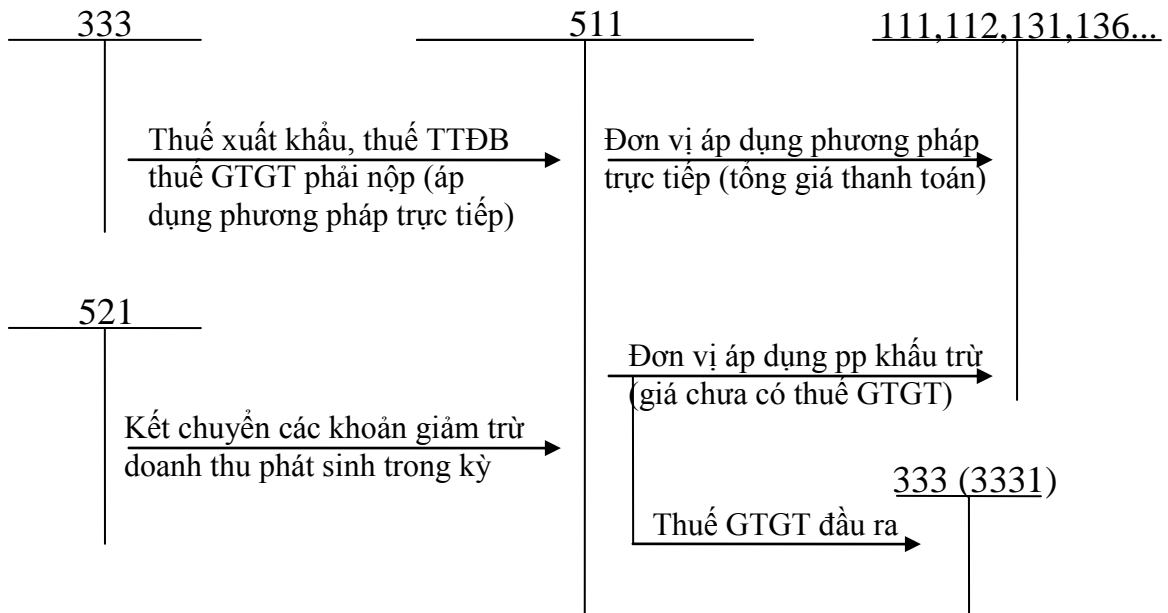
#### ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

TK 511

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu, thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp.</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại và các khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.</li> <li>- Kết chuyển doanh thu thuần vào Tài khoản 911</li> </ul> <p>Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.</li> </ul>
--	--

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.2.2 Doanh thu hoạt động tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo Có
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

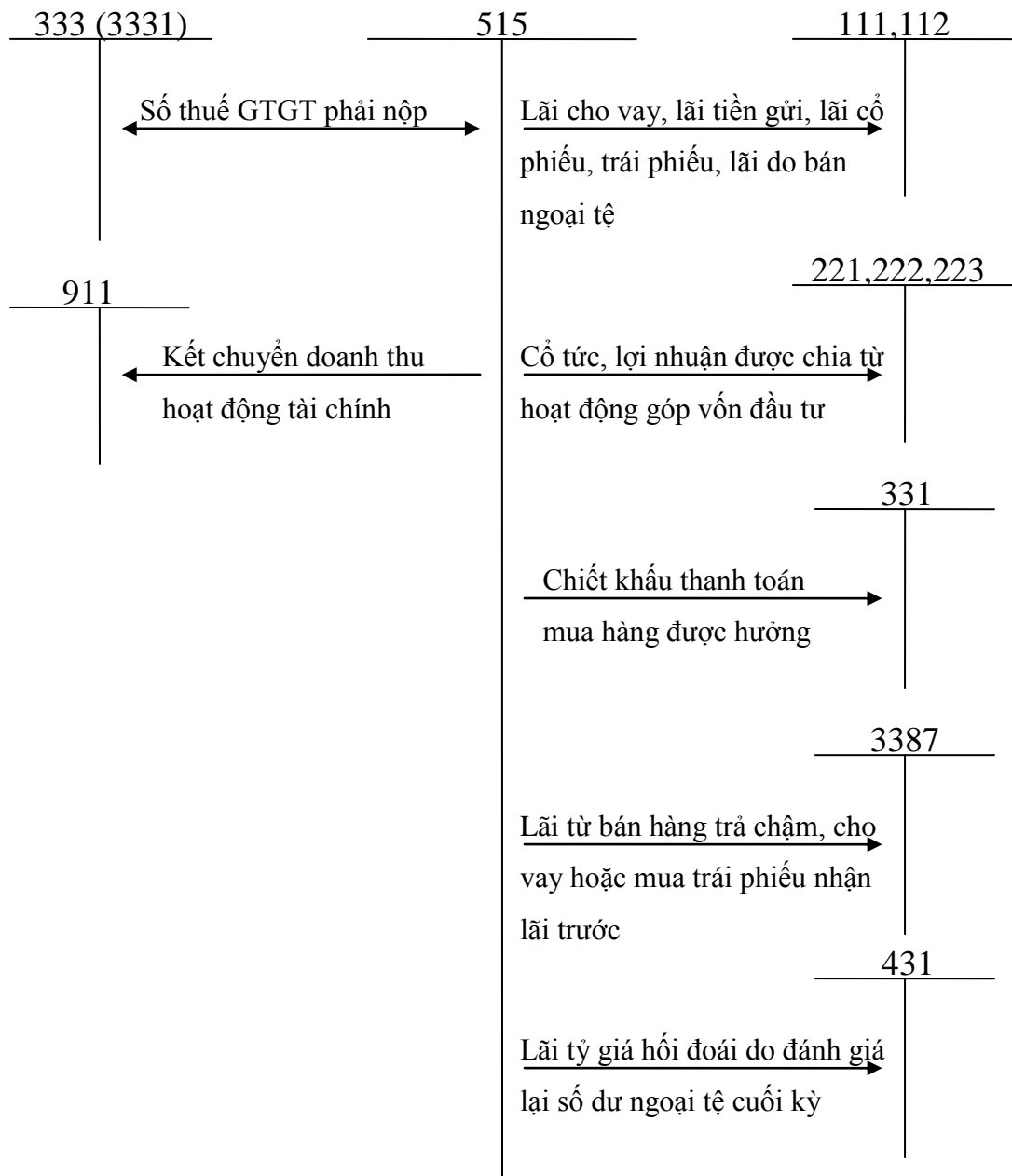
TK 515

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)</li> <li>- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính sang Tài khoản 911</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia</li> <li>- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết...</li> <li>- Chiết khấu thanh toán được hưởng</li> <li>- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh và khi bán ngoại tệ</li> <li>- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.</li> </ul>
---	--

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.3 Thu nhập khác

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hóa đơn bán hàng
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Phiếu thu

❖ Tài khoản sử dụng

TK 711: Thu nhập khác

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

TK 711

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

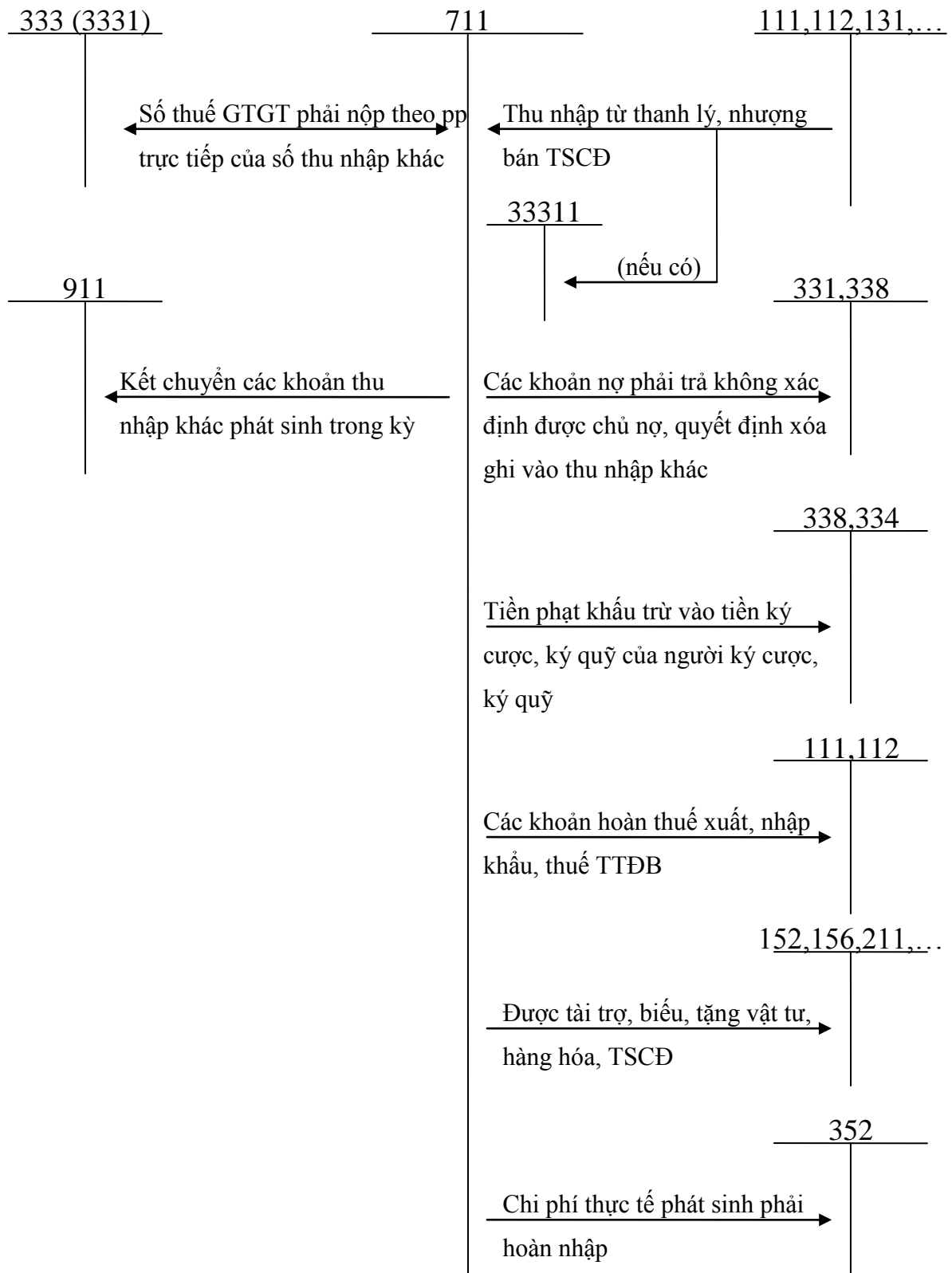
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập khác



**1.2.4 Các khoản giảm trừ doanh thu**

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu chi, giấy báo nợ
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng

TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu

*TK 5211: Chiết khấu thương mại*

*TK 5212: Hàng bán bị trả lại*

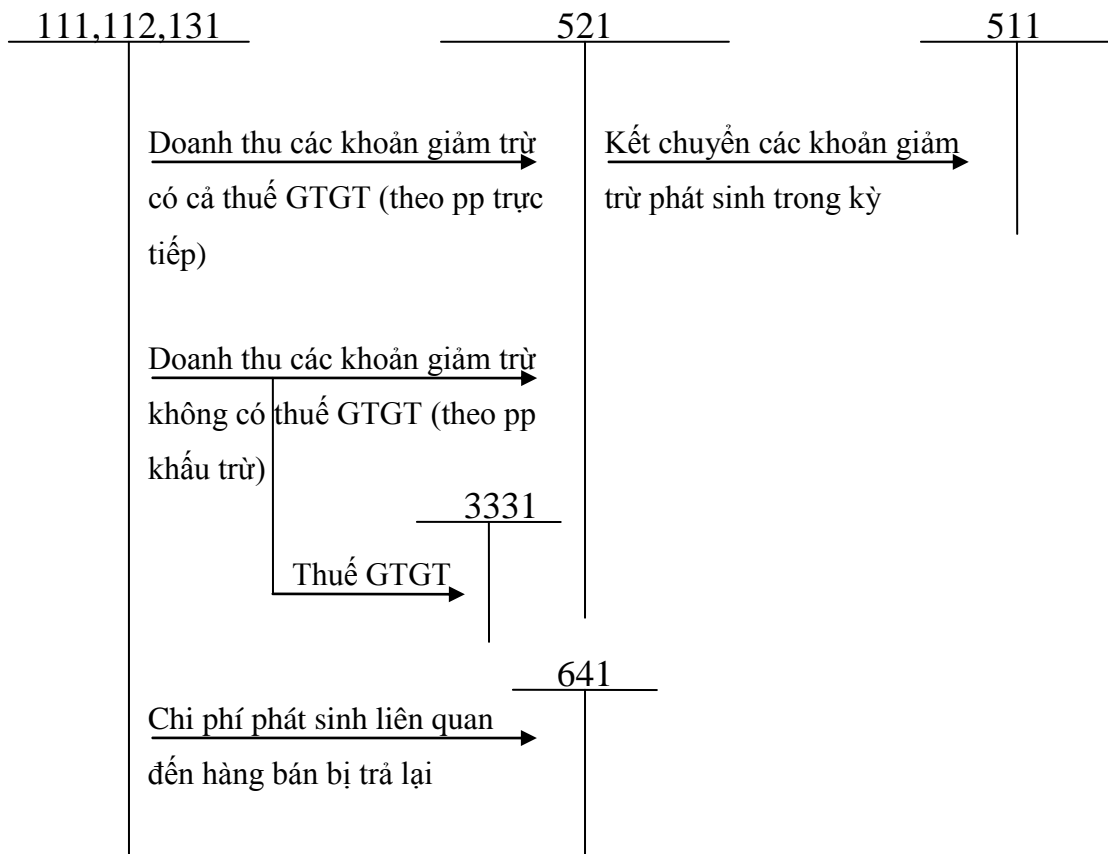
*TK 5213: Giảm giá hàng bán*

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

TK 521

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào nợ phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán ra.</li> <li>- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng.</li> </ul> <p>Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.</p> <p>❖ Phương pháp hạch toán</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 511</li> </ul>
--	---

Sơ đồ 1.4: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu



## 1.2.4 Tổ chức kế toán chi phí.

### 1.2.4.1 Giá vốn hàng bán

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Hóa đơn bán hàng

❖ Tài khoản sử dụng

TK 632: Giá vốn hàng bán

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

- Trường hợp 1: Doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**TK 632**

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ</li> <li>- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ</li> <li>- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</li> <li>- Số khấu hao BĐS đầu tư</li> <li>- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá</li> <li>- Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ</li> <li>- Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911</li> <li>- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ</li> <li>- Phản ánh các khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính</li> <li>- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho</li> </ul>
<p>Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ</p>	
<p>- <u>Trường hợp 2</u>: Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ</p>	

**TK 632**

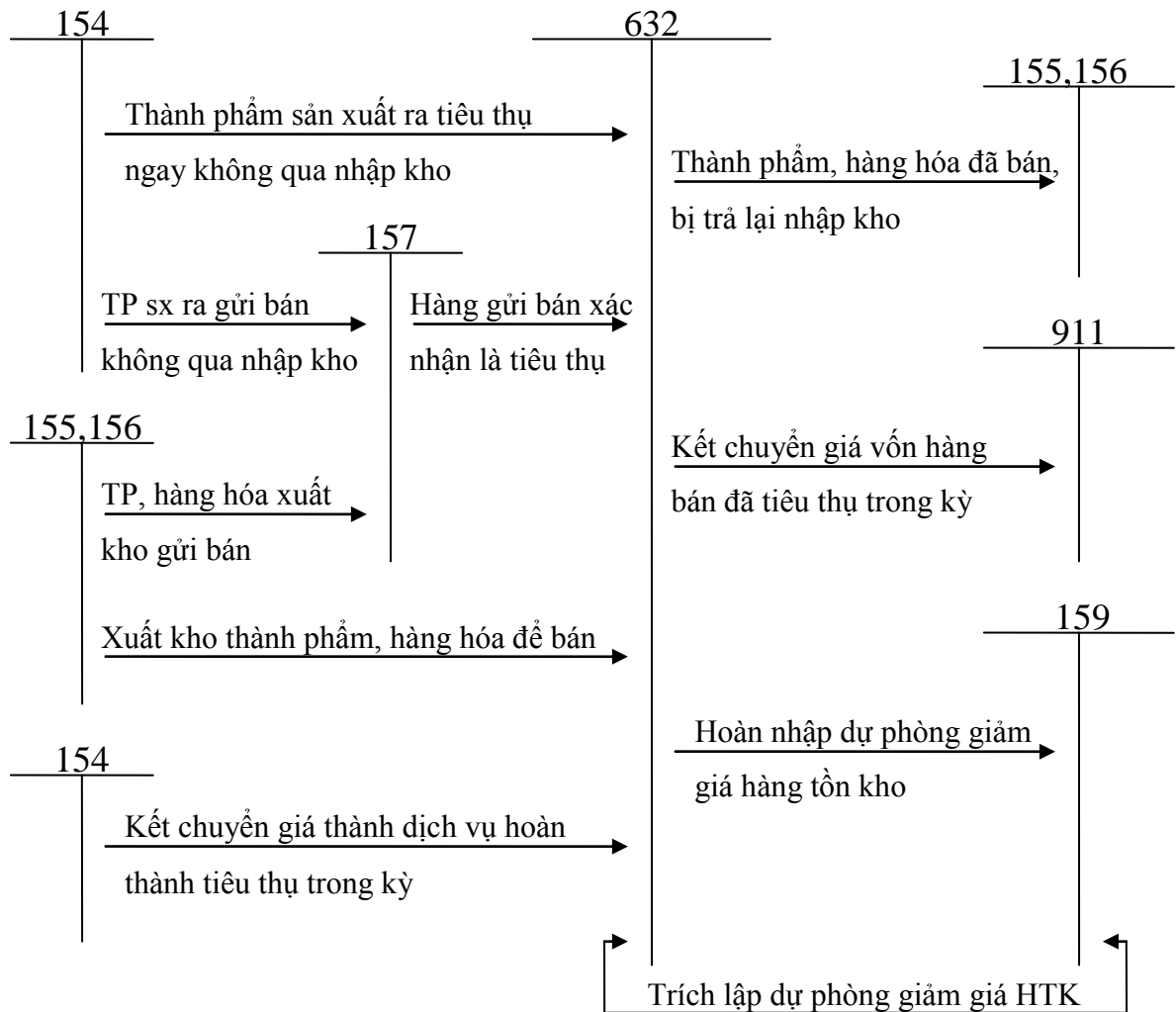
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã xuất bán trong kỳ</li> <li>- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho</li> <li>- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- K/c giá vốn hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ</li> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK</li> <li>- K/c giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155</li> <li>- K/c giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK 911</li> </ul>
<p>Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ</p>	



❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.5: Kế toán giá vốn hàng bán

Sơ đồ 1.5.a: Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.5.b: Kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.4.2 Chi phí tài chính

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng

TK 635: Chi phí tài chính

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

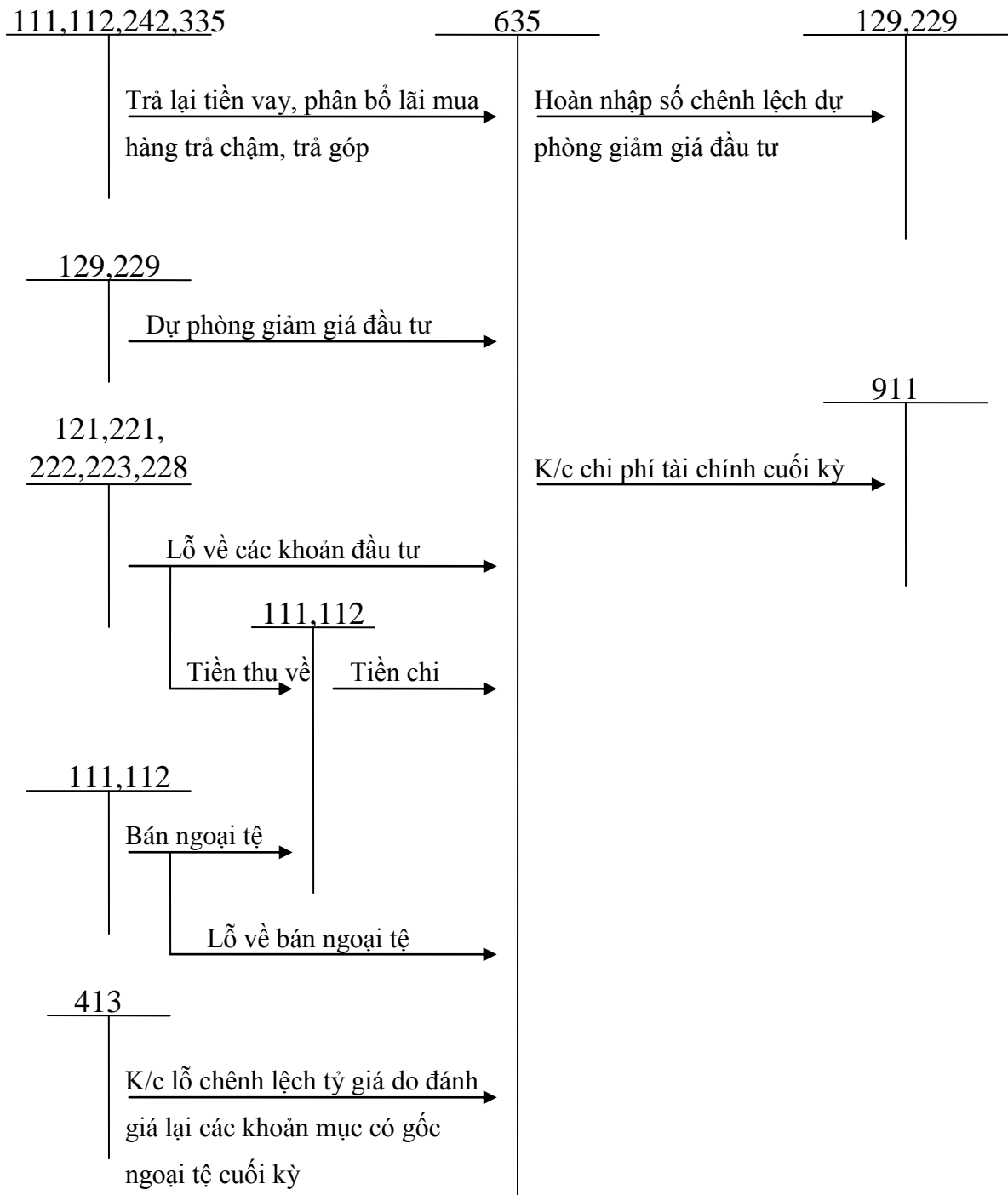
TK 635

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính</li> <li>- Lỗ bán ngoại tệ</li> <li>- Chiết khấu thanh toán cho người mua</li> <li>- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư</li> <li>- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh</li> <li>- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán</li> <li>- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB</li> <li>- Các khoản chi phí đầu tư tài chính khác</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết)</li> <li>- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh,</li> </ul>
---	--

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.6: Kế toán chi phí tài chính



### 1.2.4.3 Chi phí quản lý kinh doanh

❖ Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu , công cụ dụng cụ
- Các chứng từ gốc có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

*TK 6421: Chi phí bán hàng*

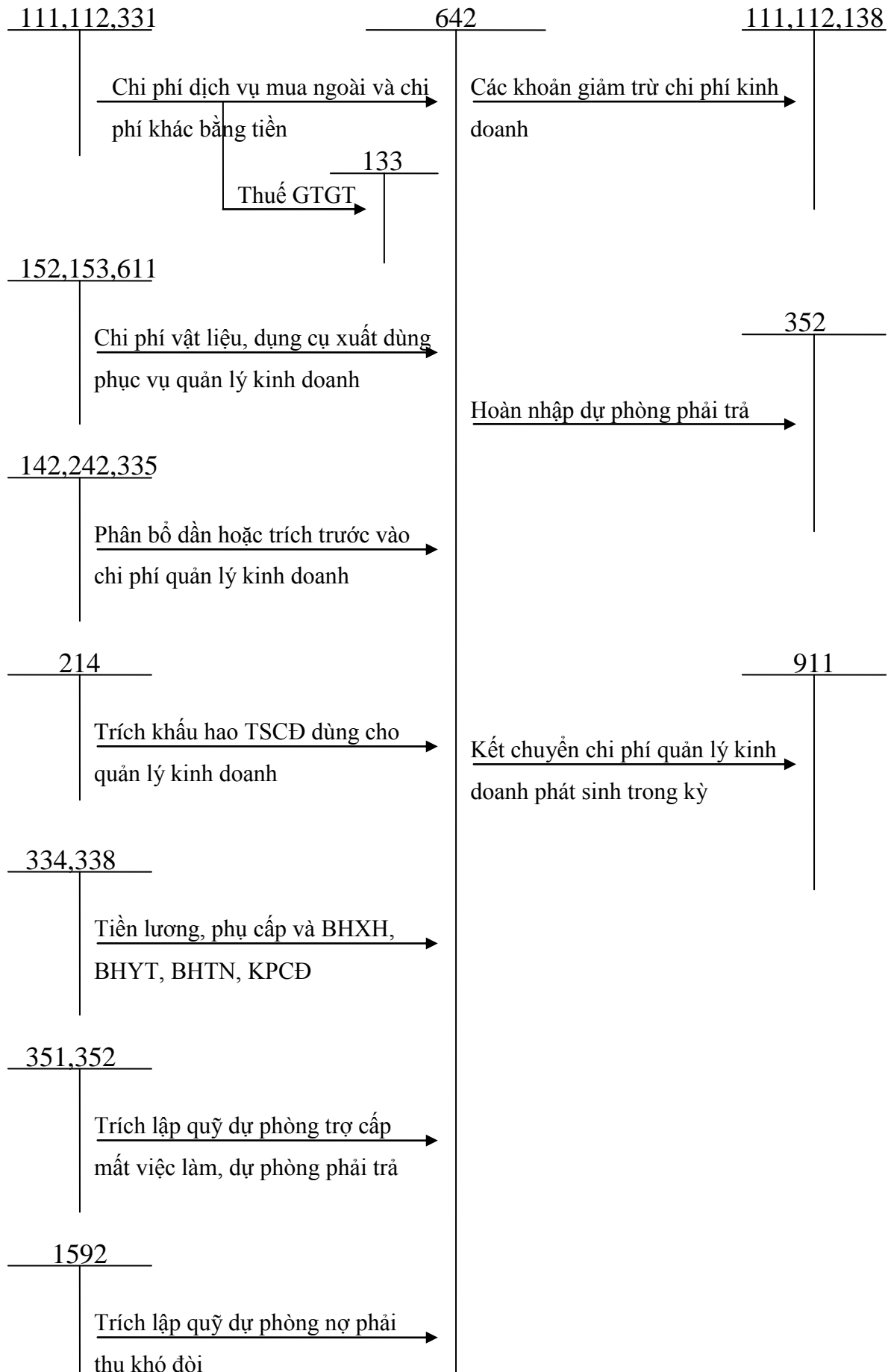
*TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp*

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

TK 642

<p>- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ</p>	<p>- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ</p> <p>- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911</p>
<p>Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ</p>	
<p>❖ Phương pháp hạch toán</p>	

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí quản lý kinh doanh



**1.2.4.4 Chi phí khác**

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo Nợ
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

TK 811: Chi phí khác

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

TK 811

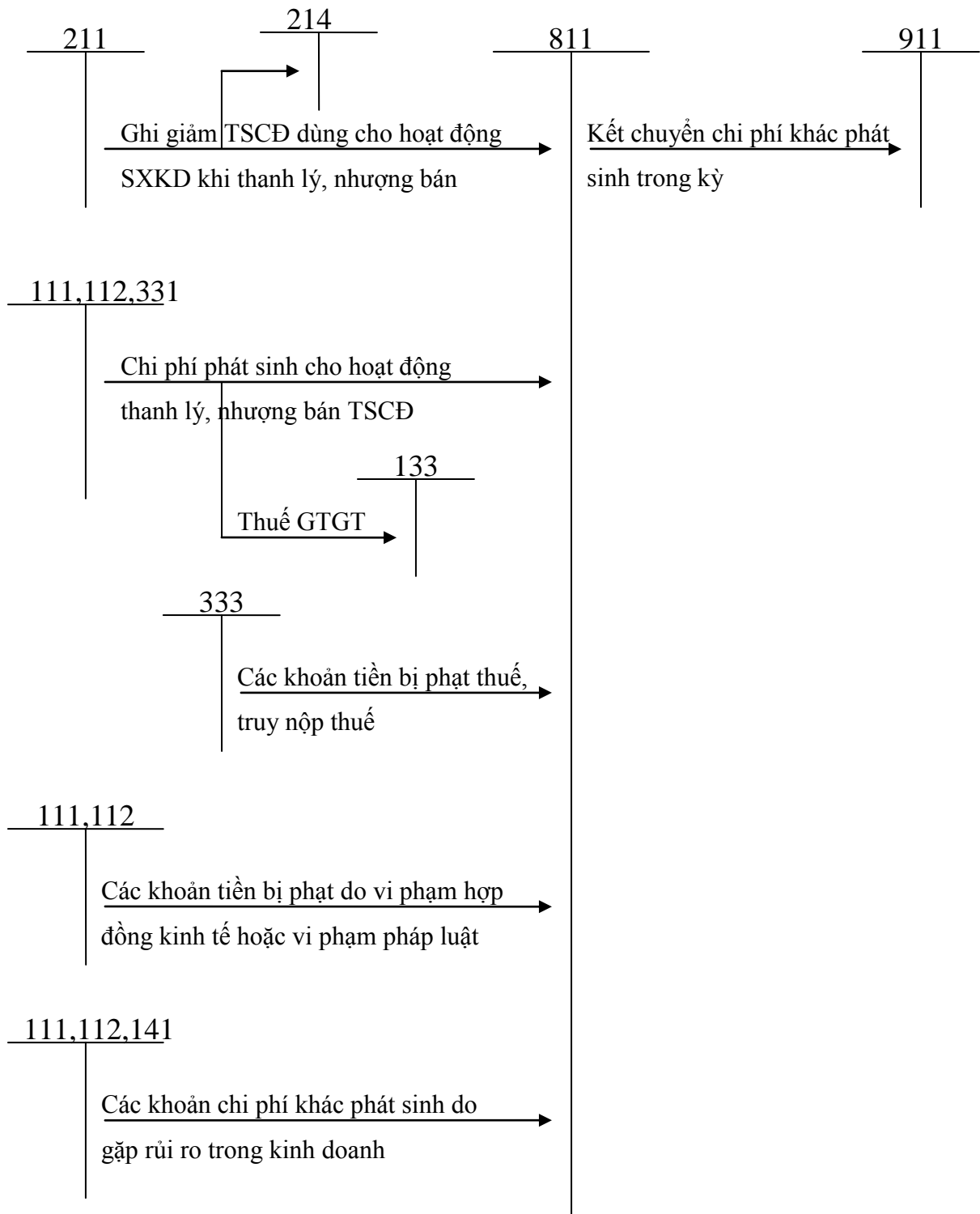
- Các khoản chi phí phát sinh khác

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào Tài khoản 911

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ

❖ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí khác





**1.2.5 Tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh**

❖ Chứng từ sử dụng

- Các bảng phân bổ chi phí
- Các bảng phân bổ doanh thu và thu nhập thuần
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

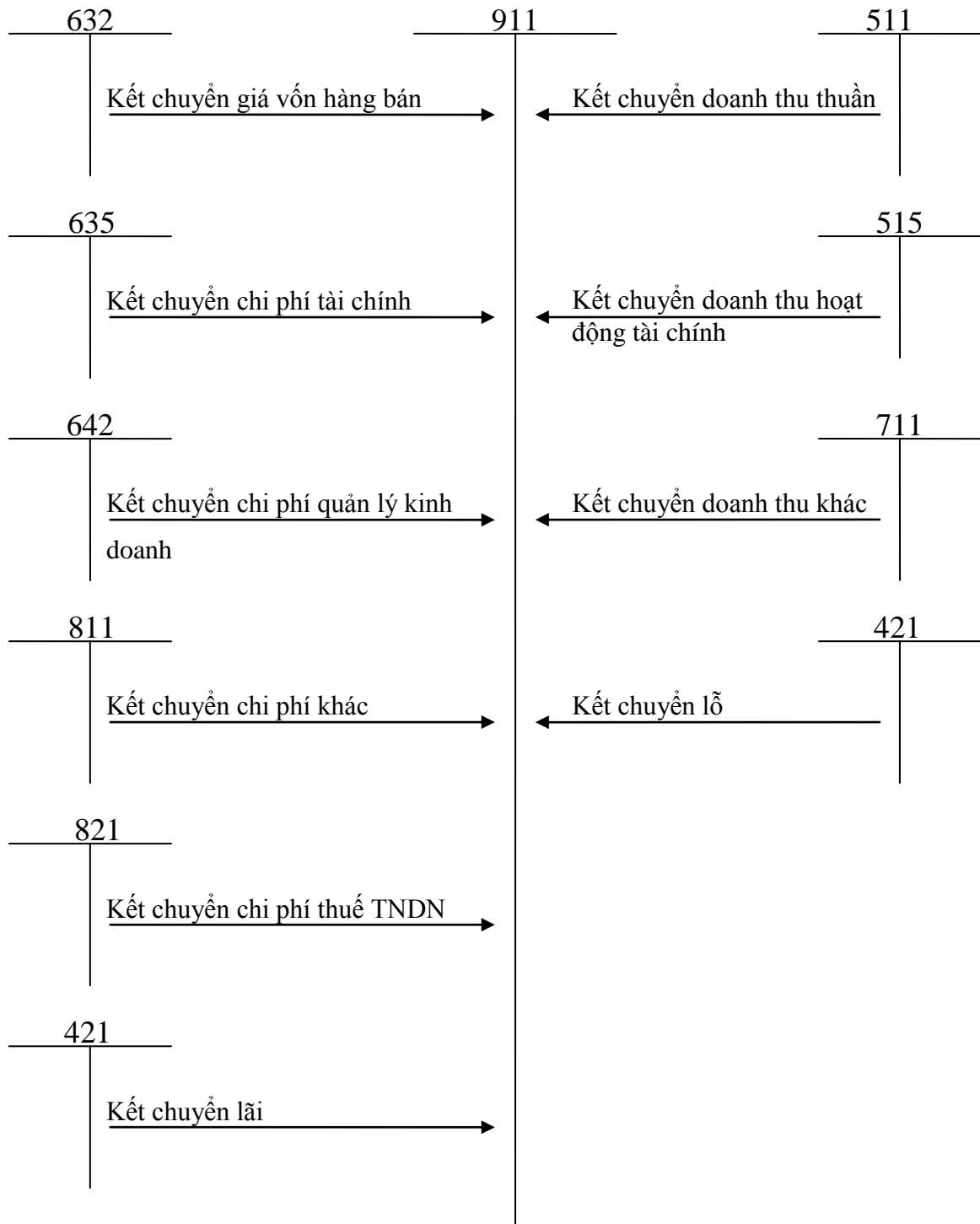
TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh

TK 911

<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán</li> <li>- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác</li> <li>- Chi phí quản lý kinh doanh</li> <li>- Kết chuyển lãi</li> </ul> <p>Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ</li> <li>- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</li> <li>- Kết chuyển lỗ</li> </ul>
❖ Phương pháp hạch toán	

Sơ đồ 1.9: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



**1.2.6 Các hình thức ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

**1.2.6.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung**

❖ Đặc trưng cơ bản

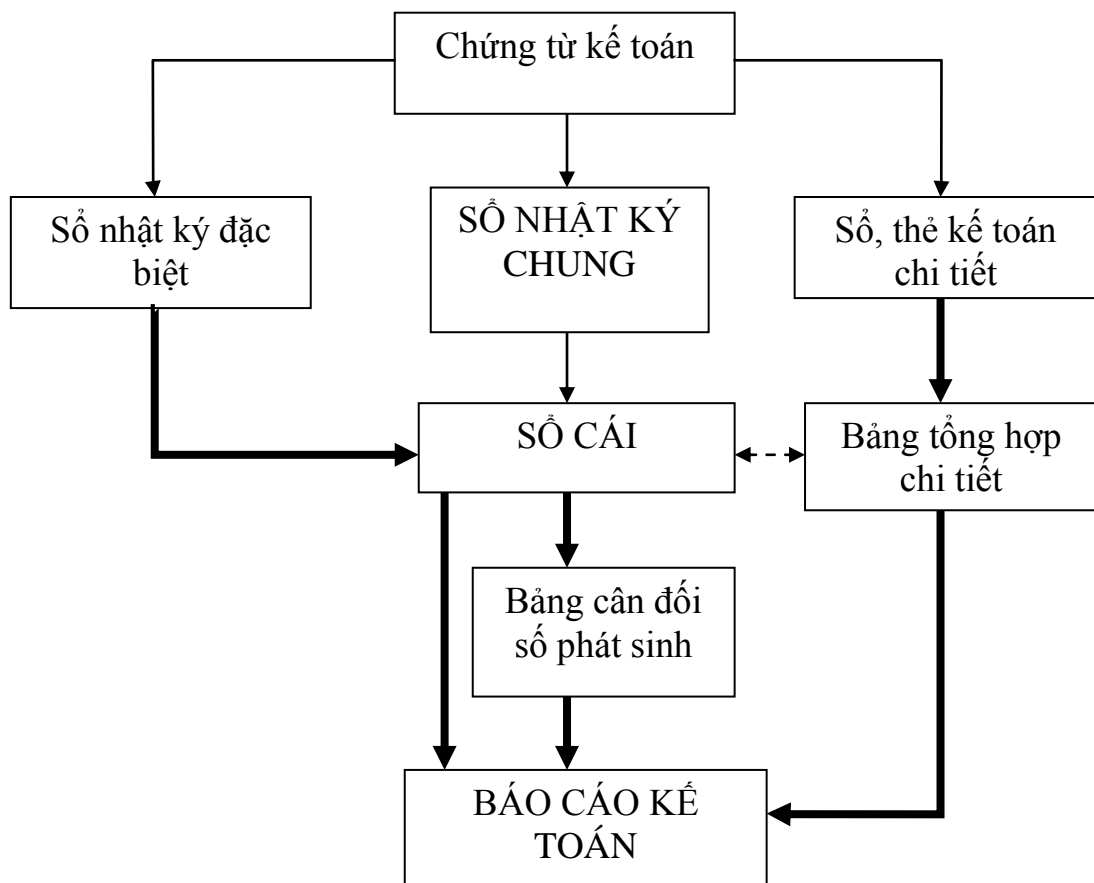
Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

❖ Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung, Sổ Nhật ký đặc biệt
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ Trình tự ghi sổ

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ← - - - → Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**1.2.6.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ Cái**

❖ Đặc trưng cơ bản

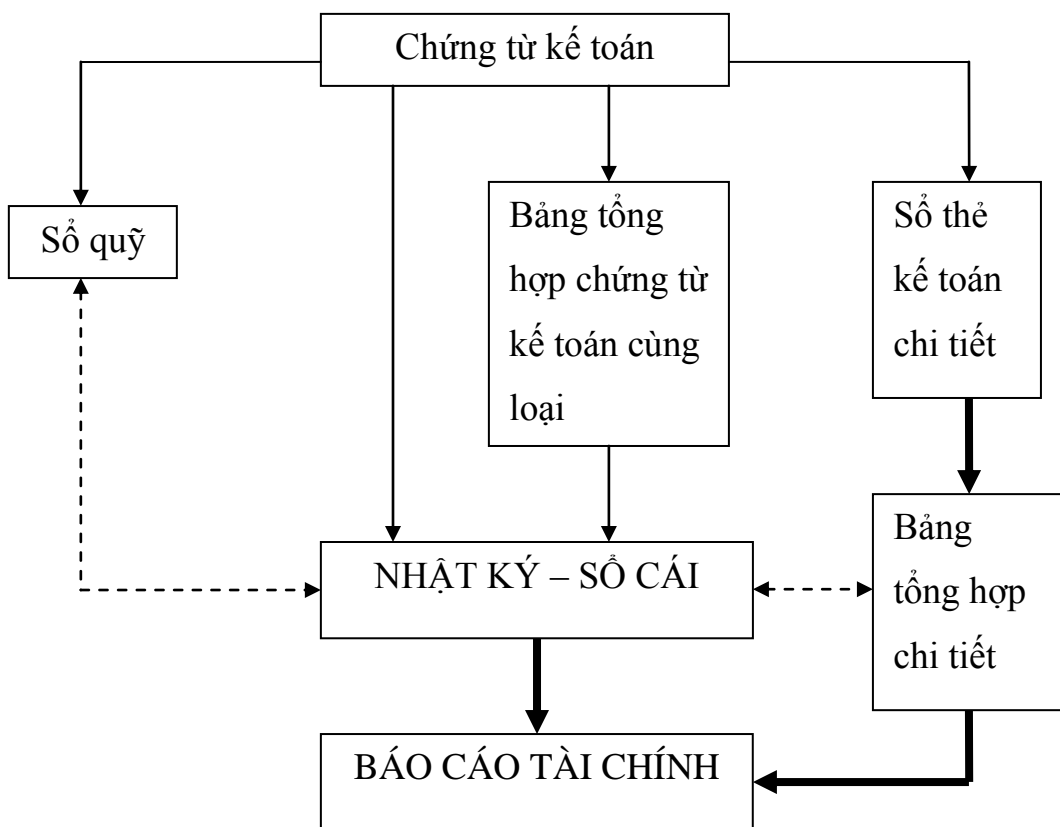
Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

❖ Sổ sách sử dụng

- Nhật ký – Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ Trình tự ghi sổ

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ← - - - -> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**1.2.6.3 Hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ**

❖ Đặc trưng cơ bản

Tập hợp và hệ thống hóa các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của các tài khoản kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các tài khoản đối ứng Nợ

Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hóa các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản)

Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

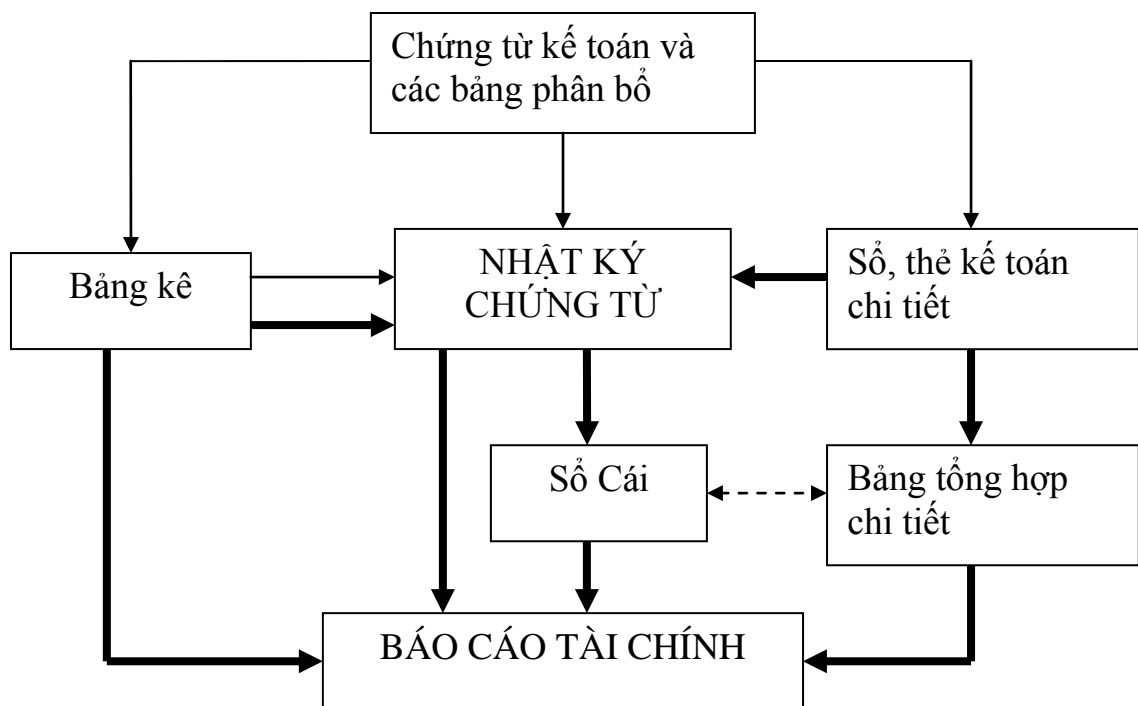
Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

❖ Sổ sách sử dụng

- Nhật ký chứng từ
- Bảng kê
- Sổ Cái
- Sổ, thẻ kế toán chi tiết

❖ Trình tự ghi sổ

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ← - - - → Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

**1.2.6.4 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ****❖ Đặc trưng cơ bản**

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

- Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

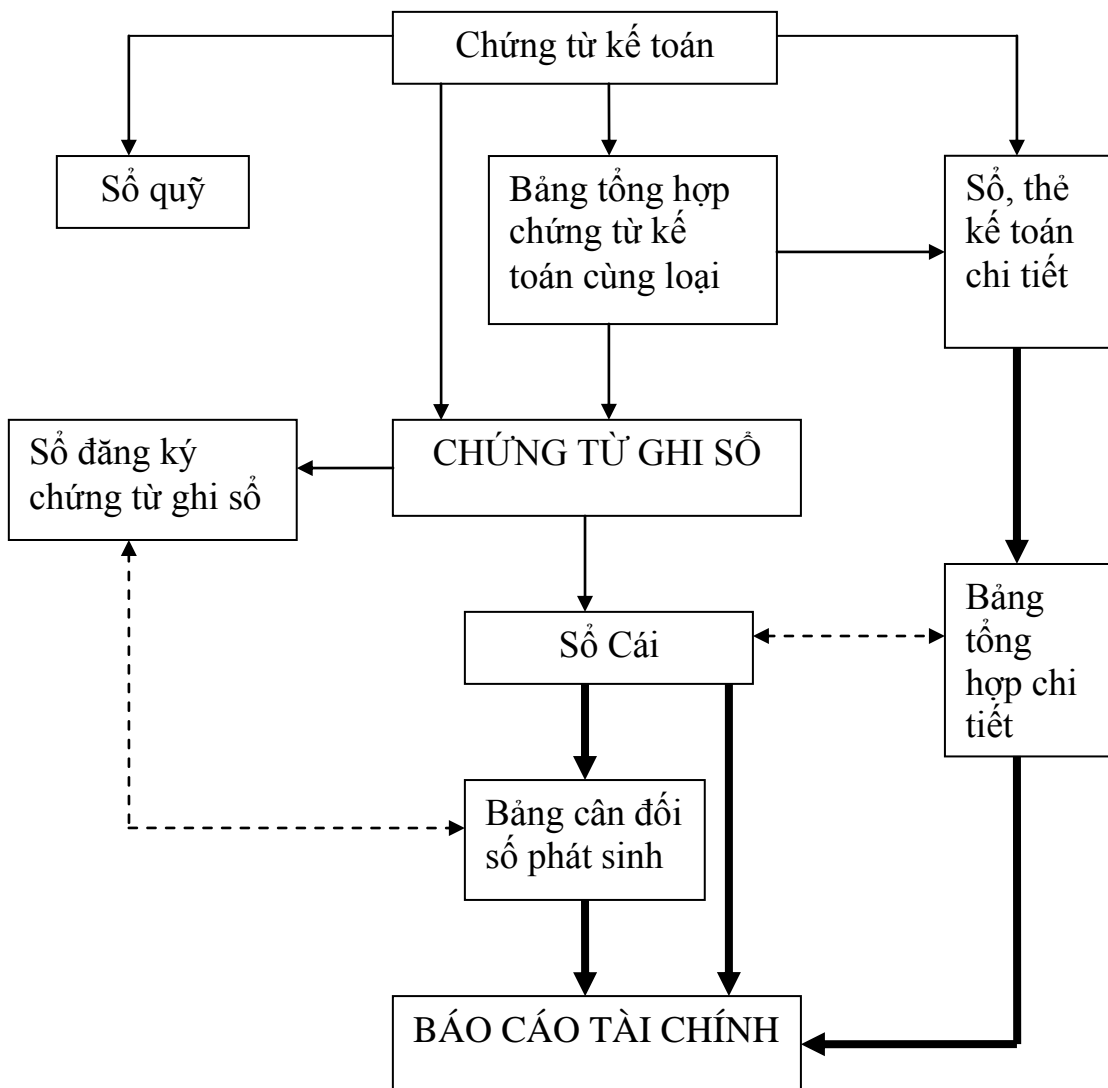
Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo thứ tự trong Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

**❖ Sổ sách sử dụng**

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ
- Sổ Cái
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết

**❖ Trình tự ghi sổ**

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- > Ghi cuối tháng
- ← - - - → Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

### 1.2.6.5 Hình thức kế toán máy

❖ Đặc trưng cơ bản

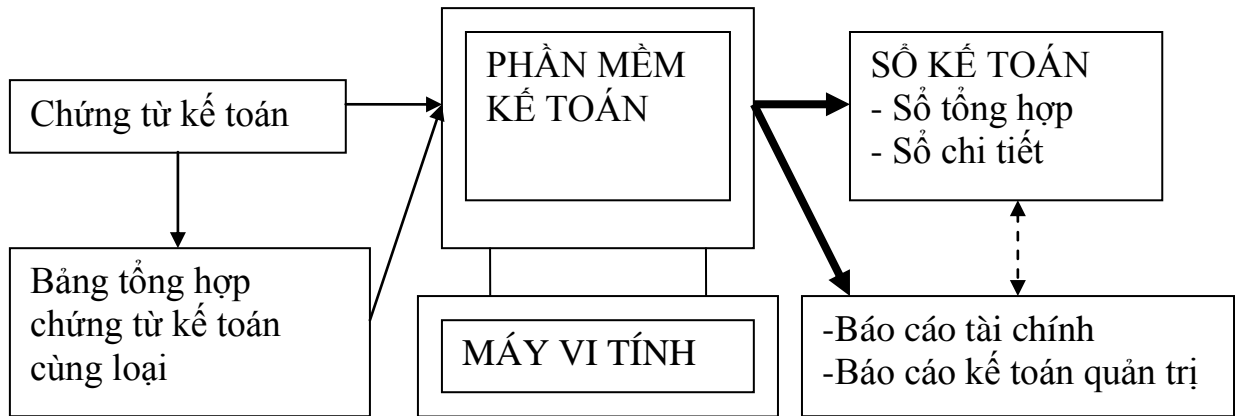
Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

❖ Sổ sách sử dụng

Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

❖ Trình tự ghi sổ

Sơ đồ 1.14: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

- > Nhập số liệu hàng ngày
- > In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
- <---> Quan hệ đối chiếu, kiểm tra



**CHƯƠNG 2:**

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ  
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY  
CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC**

**2.1 GIỚI THIỆU CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC**

**2.1.1 Khái quát chung**

Tên công ty viết bằng tiếng việt : Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Tên công ty viết tắt bằng tiếng nước ngoài: VIET – UC INVESTMENT  
CONSULTANCY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIETUC INVESCO

Địa chỉ trụ sở chính: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng

Tel/Fax: (031) 389.88.89 – 389.86.86 (064) 3576318 – 3597037

Email: [vietuccmt@gmail.com](mailto:vietuccmt@gmail.com)

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Cấp ngày 27/12/2007

Mã số thuế: 0200783157

Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần

- Người đại diện theo pháp luật của công ty:

Ông: Trịnh Khắc Điện

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 03/04/1971

Dân tộc: Kinh

CMND: 273026670

Quốc tịch: Việt Nam

Ngày cấp: 01/06/2001

Nơi cấp: Công an Bà Rịa-Vũng Tàu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số D15 khu làng cá Bến Đình, phường  
9, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chỗ ở hiện tại: Số D15 khu làng cá Bến Đình, phường 9, TP. Vũng Tàu,  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Quy mô doanh nghiệp:

Vốn điều lệ: 18.000.000.000 VNĐ

Số vốn này được chia thành 1.800.000 cổ phần

Mệnh giá mỗi cổ phần: 10.000 đồng

Các cổ đông góp vốn cụ thể như sau:

Tên cổ đông góp vốn	Vốn góp				Thời điểm góp vốn
	Tổng số cổ phần		Loại cổ phần		
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị	
1.Terrence James Coman	792.000	7.920.000.000	792.000	7.920.000.000	2007
2.Trịnh Khắc Điện	396.000	3.960.000.000	396.000	3.960.000.000	2007
3.Đào Trọng Hậu	612.000	6.120.000.000	612.000	6.120.000.000	2007

**2.1.2 Lịch sử hình thành và phát triển công ty.**

❖ Lịch sử hình thành công ty:

Sau hơn một thập kỷ mở cửa thị trường và hội nhập quốc tế, nền kinh tế tại Việt Nam phát triển vượt bậc. Ngày càng có nhiều các doanh nghiệp được thành lập cũng như việc mở rộng thêm các chi nhánh của các công ty lớn đồng nghĩa với việc nhu cầu thuê mặt bằng, nhà đất ngày càng gia tăng. Năm bắt được tình hình đó, các cổ đông sáng lập đã quyết định thành lập công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc với mục tiêu cho thuê mặt bằng, cho thuê văn phòng nhằm đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp.

Tên gọi Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc được đặt dựa theo quốc tịch của các vị cổ đông sáng lập công ty, bao gồm:

1. Ông Terrence James Coman ( Úc )
2. Ông Trịnh Khắc Điện ( Việt Nam )
3. Ông Đào Trọng Hậu ( Việt Nam )

Ngày 27/12/2007, Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc đã được Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp phép thành lập và hoạt động.

❖ Quá trình phát triển công ty:

Công ty Việt Úc nằm trên tuyến đường ngã năm sân bay Cát Bi, một trong những dự án lớn nhất của Hải Phòng trong thời gian gần đây đã mang lại rất nhiều thuận lợi cho công ty. Đây là khu đô thị mới đã hình thành nhiều khu dân cư đông đúc, khu trung tâm thương mại, trụ sở các công ty hoạt động trên địa bàn thành phố. Trong bối cảnh phát triển như vậy việc xây dựng các cao ốc văn phòng như công ty Việt Úc là rất thiết thực, hợp lý.

- Năm 2007: Công ty được thành lập
- Từ năm 2007 đến năm 2011 công ty tiến hành xây dựng tòa nhà Việt Úc. Tòa nhà gồm 11 tầng bao gồm gara để xe, thang máy.
- Khi mới đi vào hoạt động có 6 doanh nghiệp thuê văn phòng tại tòa nhà. Những năm về sau, càng ngày càng có nhiều doanh nghiệp đến liên hệ thuê văn phòng tại đây. Điều đó khẳng định công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc đang dần khẳng định được chỗ đứng đối với các doanh nghiệp. Điển hình là đến năm 2012 số doanh nghiệp đến thuê văn phòng lên đến 18 doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực khác nhau như: Ngân hàng SHB, Công ty cổ phần giám định Đại Việt, Công ty khai thác và quản lý tàu VTD, Công ty TNHH TM & DV Hàng Hải Liên Minh.....

**2.1.3 Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh**

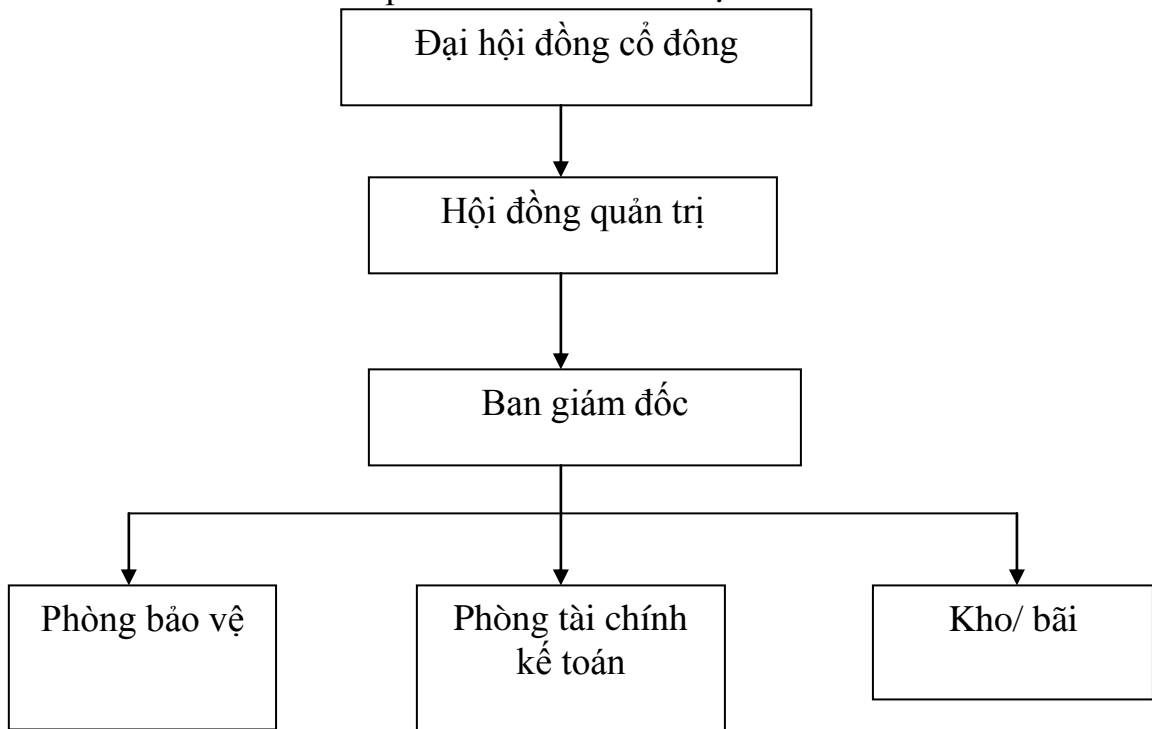
- Mục tiêu hoạt động:
  - +Lợi nhuận
  - +Xây dựng và phát triển thương hiệu
  - +Phát triển nguồn nhân lực và công nghệ
- Ngành nghề kinh doanh chính: kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết:
  - +Đầu tư tạo lập nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua
  - +Đầu tư cải tạo đất và đầu tư cải tạo hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng. Mã ngành: 6810 (Mã ngành chính)

STT	Tên ngành	Mã Ngành
1	Kinh doanh BĐS , quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết : Đầu tư tạo lập nhà , công trình xây dựng để bán , cho thuê, cho thuê mua Đầu tư cải tạo đất và đầu tư cải tạo hạ tầng trên đất thuê để cho thuê đất đã có hạ tầng	6810 (chính)
2	Cung cấp dịch vụ ăn uống không thường xuyên với khách hàng (Phục vụ tiệc , hội họp , đám cưới .....)	5621
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết : Nạo vét sông biển	4390
4	Lắp đặt hệ thống cấp , thoát nước , lò sưởi và điều hòa không khí	4322

5	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
6	Dịch vụ lưu trú bán hàng	5510
7	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Không bao gồm quán bar)	5630
8	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết : Tư vấn lập quy hoạch xây dựng , dự án đầu tư, bản vẽ thi công ,lập dự toán . tổng dự toán . Tư vấn quản lý dự án , lập hồ sơ mời thầu . phân tích , đánh giá hồ sơ dự thầu , lập hồ sơ địa chính và cắm cọc giải phóng mặt bằng	7020
9	Cung ứng lao động tạm thời không bao gồm cung ứng lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động	7820
10	Phá dỡ	4311
11	Xây dựng nhà các loại	4100
12	Cho thuê máy móc , thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết : Cho thuê máy móc , thiết bị xây dựng . Cho thuê máy móc thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính )	7730
13	Hoạt động của các trung tâm , đại lý tư vấn , giới thiệu và môi giới lao động , việc làm (Không bao gồm tư vấn giới thiệu và môi giới cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động)	7810
14	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần, người nghiện	8720
15	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết : Cung ứng lao động tạm thời không bao gồm cung ứng lao động cho các tổ chức có chức năng xuất khẩu lao động	7830
16	Đại lý tua du lịch	7911
17	Điều hành tua du lịch	7912
18	Chuẩn bị mặt bằng	4312
19	Lắp đặt hệ thống điện	4312
20	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
21	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
22	Khai thác đá, cát , sỏi . đất sét	0810
23	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
24	Xây dựng công trình công ích	4220
25	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290

**2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc.**

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc



**❖ Chức năng các phòng ban**

- Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nhiệm vụ thông qua định hướng phát triển, quyết định các phương án kinh doanh; quyết định sửa đổi, bổ sung vốn điều lệ của công ty; bầu miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, và quyết định tổ chức lại, giải thể công ty và các quyền, nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty.

- Hội đồng quản trị là tổ chức quản lý cao nhất do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị nhân danh công ty quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích và quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của Giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong công ty.

- Ban giám đốc:
  - Tổng giám đốc: Trịnh Khắc Điện
  - Phó giám đốc: Terrence James Coman
  - Giám đốc điều hành: Phạm Tuấn Hùng

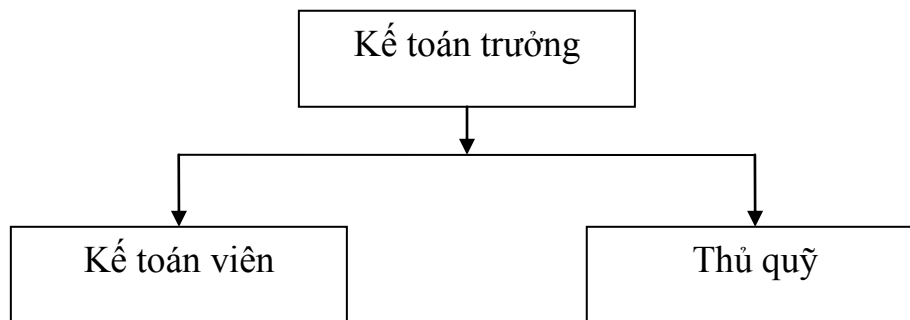
Ban giám đốc quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền

và nghĩa vụ được giao. Phó giám đốc giúp việc giám đốc trong từng lĩnh vực cụ thể và chịu trách nhiệm trước giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc được giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

- Phòng bảo vệ: Bảo vệ trật tự an ninh trong công ty

### **2.1.5 Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc.**

Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán của công ty  
cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc



- Kế toán trưởng: Là người đứng đầu phòng kế toán của công ty, có nhiệm vụ tổ chức điều hành toàn bộ hệ thống kế toán, sắp xếp toàn bộ nhân viên kế toán trong công ty, làm tham mưu cho tổng giám đốc. Ngoài ra kế toán trưởng còn phân tích số liệu về hoạt động kinh doanh của công ty để lập báo cáo tài chính, cung cấp thông tin phục vụ cho hoạt động điều hành kinh doanh của Ban giám đốc. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Tổng giám đốc và pháp luật về công việc của cả phòng và các thông tin trên báo cáo tài chính.

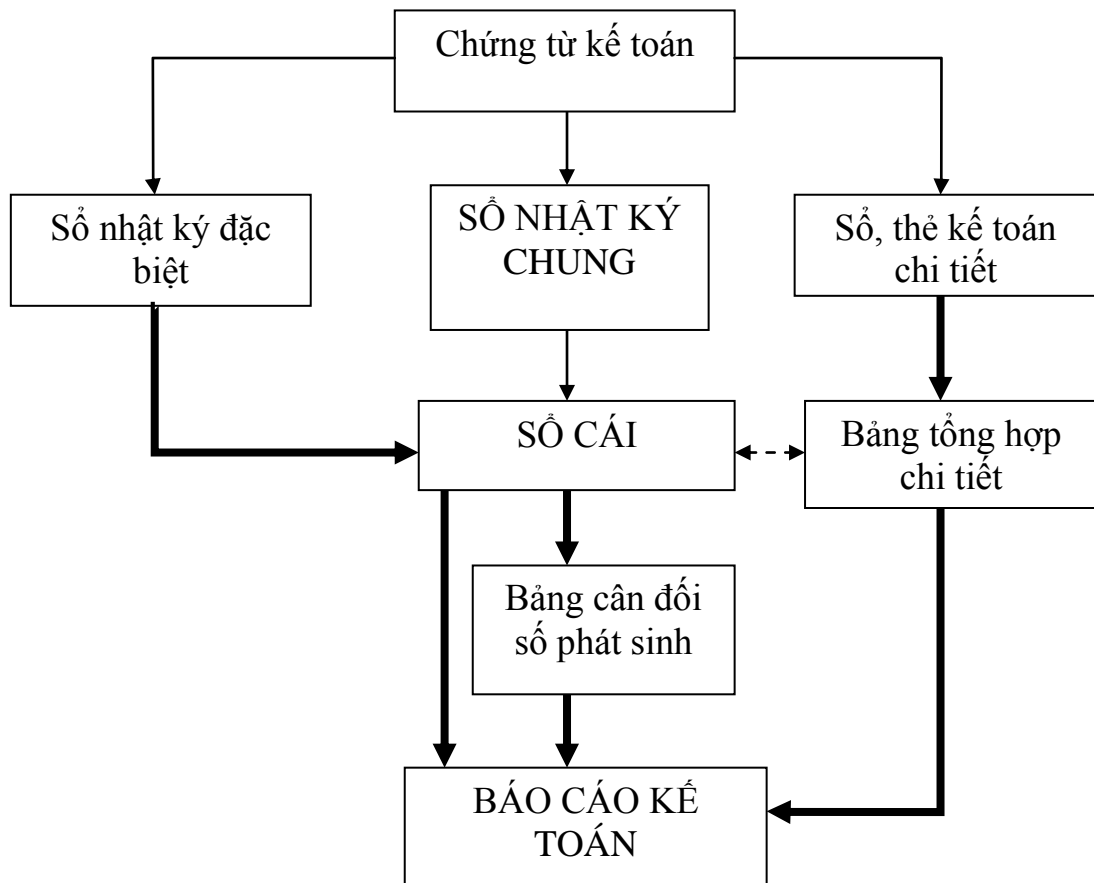
- Kế toán viên là người có trách nhiệm thu thập, tiến hành phân loại các số liệu phát sinh và ghi chép lại vào các sổ kế toán một cách chính xác và thực hiện các công việc dưới sự chỉ đạo của kế toán trưởng.

- Thủ quỹ: Quản lý quỹ tiền mặt của công ty, hàng ngày căn cứ vào phiếu thu chi tiền mặt để xuất hoặc nhập quỹ tiền mặt, ghi sổ quỹ phân thu chi. Sau đó tổng hợp, đối chiếu thu chi với kế toán.

2.1.6 Hình thức hạch toán kế toán

- Hiện nay công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung.

Sơ đồ 2.3: Trình tự kế toán Nhật ký chung trong công ty



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng
- ← - - - → Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

- Trình tự ghi sổ chứng từ kế toán:

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Các sổ, thẻ kế toán chi tiết được ghi đồng thời với sổ Nhật ký chung.

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết ( được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết ) được dùng để lập các Báo cáo tài chính.

**2.1.7 Các chính sách kế toán áp dụng tại công ty**

- Kỳ kế toán năm: Bắt đầu ngày 01-01 và kết thúc ngày 31-12.
- Ngôn ngữ sử dụng trong kế toán: Tiếng Việt.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: Việt Nam Đồng (VND)
- Hình thức sổ sách kế toán áp dụng: Nhật ký chung
- Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định của công ty bao gồm tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định được tính theo nguyên giá và khấu hao lũy kế. Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp: đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Công ty áp dụng phương pháp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền: Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển sang VND thực tế tại ngày phát sinh.

- Hình thức mở và khoá sổ kế toán:

Mở sổ kế toán: đầu niên độ kế toán, công ty tiến hành mở sổ kế toán theo danh mục đã đăng ký với cơ quan nhà nước.

- Khoá sổ kế toán: cuối kỳ hạch toán

- Hệ thống tài khoản sử dụng: Theo chế độ kế toán doanh nghiệp quyết định Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC.****2.2.1 Thực trạng công tác kế toán doanh thu****2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Đặc điểm bán hàng của công ty:

- + Doanh thu là các nghiệp vụ liên quan đến dịch vụ cho thuê văn phòng.
- + Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng là khi khách hàng đã thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán và dịch vụ đã được chuyển giao.
- + Khách hàng chủ yếu là các doanh nghiệp kinh doanh trên mọi lĩnh vực
- + Phương thức thanh toán: có thể thanh toán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.



**❖ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu thu, Giấy báo Có
- Các chứng từ liên quan khác

**❖ Tài khoản sử dụng**

TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

*TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm*

*TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ*

**❖ Quy trình hạch toán**

Căn cứ vào chứng từ gốc (hóa đơn GTGT, phiếu thu ....) kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 511.

Cuối kỳ, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 511 lập các Báo cáo tài chính.

VÍ DỤ 1: Ngày 05/12/2012 Công ty khai thác và quản lý tàu VTD thanh toán tiền thuê văn phòng bao gồm cả phí dịch vụ bằng tiền mặt, số tiền chưa thuế 9.077.273 đ ( VAT 10% )

Kế toán định khoản:

Nợ TK 1111: 9.985.000

Có TK 5113 : 9.077.273

Có TK 3331: 907.727

**Biểu số 2.1: Hóa đơn GTGT số 0068123**

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>		Mẫu số: 01GTKT3/001			
		Ký hiệu: HM/11P			
Liên 3 : Nội bộ		<b>0068123</b>			
Ngày 05 tháng 12 năm 2012					
Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC					
Mã số thuế: 0200783157					
Địa chỉ: Số 2/16D, Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, HP					
Số tài khoản:					
Điện thoại: (031) 389.88.89		Fax: (031) 389.86.86			
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty khai thác và quản lý tàu VTD					
Địa chỉ : Số 2/16D, Trung Hành 5, Hải An, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM/ CK					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=4x5
1	Văn phòng	m2	50	160.000	8.000.000
2	Phí dịch vụ (điện, nước)				1.077.273
	<b>CỘNG</b>				<b>9.077.273</b>
Cộng tiền hàng : 9.077.273 đồng					
Thuế suất GTGT: 10 % , Tiền thuế GTGT: 907.727 đồng					
Tổng cộng tiền thanh toán 9.985.000 đồng					
Số tiền viết bằng chữ: Chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng					
Người mua hàng ( Ký, ghi rõ họ, tên)			Người bán hàng ( Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)		

**Biểu số 2.2: Phiếu thu số 074**

Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT Việt Úc

Mẫu số 01 - TT

Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đằng  
Lâm, Hải An, HP

*(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-  
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU THU**

*Quyển số*

*Ngày: 05/12/2012*

Số: 074

Nợ TK 111: 9.985.000 đ

Có TK 5113: 9.077.273 đ

Có TK 3331: 907.727 đ

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Nam

Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, HP

Lý do thu: Thanh toán tiền thuê văn phòng

Số tiền: 9.985.000

Bằng chữ(/.): Chín triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng

Kèm theo 1 chứng từ gốc

*Ngày: 05/12/2012*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Kế toán**  
*(Ký, họ tên)*

**Thủ quỹ**  
*(Ký, họ tên)*

**Người nộp**  
*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.3: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm,  
Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2012

*Đơn vị tính: đồng*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	SH TK đôi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....	....
05/ 12	PT/ 074	05/ 12	Doanh thu cho thuê VP	×	1111	9.077.273	
				×	5113		9.077.273
			Thuế GTGT phải nộp	×	1111	907.727	
				×	3331		907.727
06/ 12	K1/ 040	06/ 12	Quyết toán hợp đồng thi công	×	131	40.000.000	
				×	5112		40.000.000
24/ 12	K1/ 051	24/ 12	Tiền thuê văn phòng và phí dịch vụ	×	131	1.086.586	
				×	5113		1.086.586
			Thuế GTGT phải nộp	×	131	108.658	
				×	3331		108.658
...	...	...	....	...	....	....	....
			<b>Tổng</b>			<b>38.058.705.875</b>	<b>38.058.705.875</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.4: Sổ cái tài khoản 511

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)  
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

*Đơn vị tính: đồng*

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	....	...	<b>- Số dư đầu năm</b>			
05/ 12	PT/ 074	05/12	Doanh thu cho thuê VP	1111		9.077.273
06/ 12	K1/ 040	06/12	Quyết toán hợp đồng thi công	131		40.000.000
24/ 12	K1/ 051	24/12	Tiền thuê văn phòng và phí dịch vụ	131		1.086.586
31/ 12	HT/031	31/ 12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	2.896.327.068	
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>2.896.327.068</b>	<b>2.896.327.068</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính tại công ty không phải là hoạt động mang tính chất thường xuyên. Hoạt động tài chính tại công ty có thể kể đến là lãi tiền gửi ngân hàng

**❖ Chứng từ sử dụng**

- Sổ phụ, giấy báo Có
- Giấy báo lãi
- Bản sao kê của ngân hàng
- Các chứng từ liên quan khác

**❖ Tài khoản sử dụng**

TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

**❖ Trình tự hạch toán**

Căn cứ vào các chứng từ gốc ban đầu, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung, sau đó vào sổ Cái TK 515. Cuối kỳ tổng hợp kết chuyển sang 911 để xác định kết quả kinh doanh.

VÍ DỤ: Ngày 25/12/2012 Lãi tài khoản ngân hàng VIB số tiền 103.677 đ

Kế toán định khoản:

Nợ TK 1124: 103.677

Có TK 515: 103.677

**Biểu số 2.5: Phiếu trả lãi tài khoản ngân hàng VIB**

**NGÂN HÀNG VIB**

**PHIẾU TRẢ LÃI TÀI KHOẢN**

*Từ ngày 26/11/2012 đến ngày 25/12/2012*

Khách hàng: 388813 CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC

Tài khoản: 2531180666888

Nguyên tệ: VND

Ngày bắt đầu	Số ngày	Số dư	Lãi suất	Thành tiền
26/11/2012	10	40.169.422	1.00	35.607
25/12/2012	21	70.981.422	1.00	68.070

Tổng tiền: 103.677

Bằng chữ: Một trăm linh ba nghìn sáu trăm bảy mươi bảy VND chẵn

Tài khoản trích nợ: PL 50000

Tài khoản ghi có: 2531180666888

Ngày lập phiếu: 26/12/2012

Người lập phiếu

Kiểm soát

Kế toán trưởng

Biểu số 2.6: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm,

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2012

*Đơn vị tính: đồng*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....	....
25/ 12	NH/ T12	25/ 12	Lãi tài khoản ngân hàng	×	1124 515	103.677	103.677
27/ 12	NH/ T12	27/ 12	Lãi tài khoản ngân hàng	×	1122 515	75.689	75.689
29/ 12	NH/ T12	29/ 12	Lãi tài khoản ngân hàng	×	1125 515	19.761	19.761
31/ 12	NH/ T12	31/ 12	Lãi tài khoản ngân hàng	×	1121 515	172.756	172.756
...	...	...	....	...	....	....	....
			<b>Tổng</b>			<b>38.058.705.875</b>	<b>38.058.705.875</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)



**Biểu số 2.7: Sổ cái tài khoản 515**

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Lâm, Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu: 515

*Đơn vị tính: đồng*

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>- Số dư đầu năm</b>			
...	....	...	....	....	....	.....
25/ 12	NH/ T12	25/ 12	Lãi tài khoản ngân hàng	1124		103.677
27/ 12	NH/ T12	27/ 12	Lãi tài khoản ngân hàng	1122		75.689
29/ 12	NH/ T12	29/ 12	Lãi tài khoản ngân hàng	1125		19.761
31/ 12	NH/ T12	31/ 12	Lãi tài khoản ngân hàng	1121		172.756
31/ 12	HT/ 031	31/ 12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	4.835.011	
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>4.835.011</b>	<b>4.835.011</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.1.3 Kế toán thu nhập khác**

Thu nhập khác tại công ty rất ít khi phát sinh, chủ yếu là các nghiệp vụ thanh lý TSCĐ, giấy vụn .....

**❖ Chứng từ sử dụng**

- Phiếu kế toán
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có
- Các chứng từ liên quan khác

**❖ Tài khoản sử dụng**

TK 711: Thu nhập khác

**❖ Trình tự hạch toán**

Căn cứ vào các chứng từ gốc ban đầu, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung sau đó vào sổ Cái TK 711. Cuối kỳ tổng hợp kết chuyển sang 911 để xác định kết quả kinh doanh.

VÍ DỤ: Ngày 31/12/2012 Thanh lý giấy vụn số tiền 60.000đ

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 111: 60.000

Có TK 711: 60.000

**Biểu số 2.8: Phiếu thu số 099**

Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT Việt Úc

Mẫu số 01 – TT

Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đằng  
Lâm, Hải An, HP

*(Ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-  
BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

**PHIẾU THU**

*Quyển số*

Ngày: 31/12/2012

Số: 099

Nợ TK 111: 60.000 đ

Có TK 711: 60.000 đ

Họ và tên người nộp tiền: Nguyễn Văn Nam

Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, HP

Lý do thu: Thanh lý giấy vụn

Số tiền: 60.000

Bằng chữ(/.): Sáu mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo 1 chứng từ gốc

Ngày: 31/12/2012

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Kế toán**  
*(Ký, họ tên)*

**Thủ quỹ**  
*(Ký, họ tên)*

**Người nộp**  
*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.9: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Lâm, Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2012

*Đơn vị tính: đồng*

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ Cái	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....	....
31/05	PT/025	31/05	Thanh lý giấy vụn	×	111 711	20.000	20.000
21/08	PT/062	21/08	Thanh lý ghế nhựa	×	111 711	215.000	215.000
31/12	PT/099	31/12	Thanh lý giấy vụn	×	111 711	60.000	60.000
...	...	...	....	...	....	....	....
			<b>Tổng</b>			<b>38.058.705.875</b>	<b>38.058.705.875</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.10: Sổ cái tài khoản 711

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm,

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Số hiệu: 711

*Đơn vị tính: đồng*

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...	....	...	<b>- Số dư đầu năm</b>			
			....	....	....	....
31/ 05	PT/ 025	31/ 05	Thanh lý giấy vụn	111		20.000
21/ 08	PT/ 062	21/ 08	Thanh lý ghế nhựa	111		215.000
31/ 12	PT/ 099	31/ 12	Thanh lý giấy vụn	111		60.000
31/ 12	HT/ 034	31/ 12	Kết chuyển thu nhập khác	911	325.125	
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>325.125</b>	<b>325.125</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.2 Thực trạng công tác kế toán chi phí****2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán**

Kế toán giá vốn hàng bán của công ty chủ yếu là phí dịch vụ điện nước thu hộ khách hàng đang thuê văn phòng tại công ty (trong hóa đơn cho thuê văn phòng đã bao gồm cả phí dịch vụ)

**❖ Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Các chứng từ liên quan khác

**❖ Tài khoản sử dụng**

- TK 632: Giá vốn hàng bán

**❖ Trình tự hạch toán**

Căn cứ vào hóa đơn GTGT, kế toán hạch toán vào nhật ký chung và sổ cái TK 632. Cuối kỳ phản ánh vào bảng tổng hợp chi tiết và kết chuyển TK 632 về TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

VÍ DỤ: Ngày 04/12/2012 Tiền nước tháng 12 thanh toán bằng tiền mặt số tiền 1.035.000 đ chưa thuế.

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 632: 1.035.000

Nợ TK 1331: 45.000

Có TK 1111: 1.080.000

Biểu số 2.11: Hóa đơn GTGT tiền nước số 0875763

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CẤP NƯỚC HẢI PHÒNG  <b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG THU TIỀN NƯỚC</b>  Liên 2: Giao cho khách hàng <i>Ngày 04 tháng 12 năm 2012</i> TỔNG GIÁM ĐỐC	<b>Danh bạ điểm dùng:</b> 6568957		Mẫu số: 01GTKT2/001 Ký hiệu: AA/14P Số: <b>0875763</b>		
	<b>Tên khách hàng:</b> CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC				
	<b>Địa chỉ:</b> Số 2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, HP				
	<b>Mã số thuế:</b> 200783157		<b>Seri ĐH:</b> CTCNHP708883		<b>Tuyển:</b> 755
	<b>Mã hóa đơn:</b> 31635111	<b>Từ ngày:</b> 01/11/2012	<b>Chỉ số cũ:</b> 456		<b>Hệ số:</b> 1
<b>Hóa đơn tháng:</b> 12/1012	<b>Đến ngày:</b> 01/12/2012	<b>Chỉ số mới:</b> 586		<b>Tiêu thụ:</b> 10	
<b>Diễn giải</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Đơn giá</b>	<b>Thành tiền</b>	<b>VAT 5%</b>	<b>Phí TN15%</b>
	50	6000	335.000	15.000	
	50	7500	420.000	17.000	
	30	8500	280.000	13.000	
<b>CỘNG</b>			1.035.000	45.000	
<b>Tổng số tiền bằng chữ:</b> Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng					<b>1.080.000</b>

**Biểu số 2.12: Phiếu chi số 237**

Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT Việt Úc

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đằng  
Lâm, Hải An, HP

(Ban hành theo quyết định số:  
48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Quyển số*

Ngày: 04/12/2012

Số: 237

Nợ TK 632: 1.035.000 đ

Nợ TK 1331: 45.000 đ

Có TK 1111: 1.080.000 đ

Họ và tên người nhận tiền: Trần Tuấn Anh

Địa chỉ:

Lý do chi: Thanh toán tiền nước

Số tiền: 1.080.000

Bằng chữ (./.): Một triệu không trăm tám mươi nghìn đồng

Kèm theo 1 Chứng từ gốc

Ngày : 04/12/2012

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Kế toán**  
(Ký, họ tên)

**Thủ quỹ**  
(Ký, họ tên)

**Người nhận**  
(Ký, họ tên)



Biểu số 2.13: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm,

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....	....
04/ 12	PC/ 237	04/ 12	Thanh toán tiền nước	×	632	1.035.000	1.035.000
			Thuế GTGT phải nộp	×	1111		
				×	1331	45.000	45.000
				×	1111		
15/ 12	K3/ 021	15/ 12	Thanh toán tiền điện	×	632	11.925.500	11.925.500
			Thuế GTGT phải nộp	×	331		
				×	1331	1.192.550	1.192.550
				×	331		
...	...	...	....	...	....	....	....
			<b>Tổng</b>			<b>38.058.705.875</b>	<b>38.058.705.875</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.14: Sổ cái tài khoản 632

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Lâm, Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Đơn vị tính: đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>- Số dư đầu năm</b>			
...	....	...	....	....	....	.....
04/ 12	PC/ 237	04/ 12	Tiền nước	1111	1.035.000	
15/ 12	K3/ 021	15/ 12	Tiền điện	331	11.925.500	
31/ 12	HT/ 032	31/ 12	Kết chuyển giá vốn	911		2.409.701.327
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>2.409.701.327</b>	<b>2.409.701.327</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính**

Trong kỳ, công ty chủ yếu phát sinh các hoạt động tài chính như: trả lãi vay ngân hàng, thu lại khế ước

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
- Bảng sao kê TGNH

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 635: Chi phí tài chính

❖ Trình tự hạch toán

Căn cứ vào các chứng từ, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung sau đó vào sổ cái TK 635. Cuối kỳ tổng hợp kết chuyển sang 911 để xác định kết quả kinh doanh.

VÍ DỤ: Ngày 29/12/2012 Trả lãi vay ngân hàng MB số tiền 14.333.333 đ  
Kế toán hạch toán:

Nợ TK 635: 14.333.333

Có TK 1125: 14.333.333

Biểu số 2.15: Giấy báo nợ ngân hàng MB

Ngân hàng MB

**GIẤY BÁO NỢ**

Mã GDV:

Chi nhánh: Hồng Bàng. Hải Phòng

*Ngày 29/12/2012*

Mã KH: 24980

Số GD:

Tên tài khoản ghi sổ: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Số tài khoản ghi nợ: 291002334521

Số tiền bằng số: 14.333.333

Số tiền bằng chữ: Mười bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn ba mươi ba đồng.

Nội dung: Trả lãi vay

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Biểu số 2.16: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Lâm, Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2012

*Đơn vị tính: đồng*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....	....
29/ 12	NH/ T12	29/ 12	Trả lãi vay	×	635 1125	14.333.333	14.333.333
30/ 12	NH/ T12	30/ 12	Thu lại khế ước	×	635 1125	7.166.667	7.166.667
31/ 12	NH/ T12	31/ 12	Trả lãi vay	×	635 1125	14.811.111	14.811.111
...	...	...	....	...	....	....	....
			<b>Tổng</b>			<b>38.058.705.875</b>	<b>38.058.705.875</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.17: Sổ cái tài khoản 635

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Lâm, Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Số hiệu: 635

*Đơn vị tính: đồng*

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>- Số dư đầu năm</b>			
...	....	...	....	....	....	....
29/ 12	NH/ T12	29/ 12	Trả lãi vay	1125	14.333.333	
30/ 12	NH/ T12	30/ 12	Thu lại khế ước	1125	7.166.667	
31/ 12	NH/ T12	31/ 12	Trả lãi vay	1125	14.811.111	
31/ 12	HT/ 032	31/ 12	Kết chuyển	911		64.500.000
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>64.500.000</b>	<b>64.500.000</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

### 2.2.2.3 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh tại công ty bao gồm các khoản: Tiền lương trả cho ban giám đốc và nhân viên các phòng ban, chi phí vật liệu, đồ dùng chung cho doanh nghiệp, các khoản thuế, lệ phí, bảo hiểm, chi phí dịch vụ mua ngoài và các chi phí bằng tiền khác chi chung cho doanh nghiệp.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Bảng thanh toán lương
- Bảng trích khấu hao TSCĐ

❖ Tài khoản sử dụng

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

*TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp*

❖ Trình tự hạch toán

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ, kế toán phân loại ghi vào sổ nhật ký chung sau đó ghi vào sổ cái TK 642. Cuối kỳ tổng hợp và kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

VÍ DỤ: Ngày 08/12/2012 Phí chuyển tiền ngân hàng VIB 22.000 đ

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 6422: 22.000

Có TK 1124: 22.000

Biểu số 2.18: Hóa đơn GTGT số 6480

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**  
(PHIẾU THU PHÍ DỊCH VỤ NGÂN HÀNG)

	(Liên 2: Giao khách hàng)	Mẫu số	01GTKT2/00 5
NGÂN HÀNG TMCP QUỐC TẾ VIỆT NAM		Số bút toán:	1188604117
Chi nhánh:	Chi nhánh Hong Bang	Ký hiệu:	ET/11T
Địa chỉ chi nhánh:	116 NGUYỄN ĐỨC CẢNH - Q.LÊ CHÂN T.P HẢI PHÒNG	Số:	6480
Mã số thuế:	0100233488-002	Ngày:	08/12/2012

<b>Mã số KH:</b>	922278	<b>Mã số thuế:</b>	200783157
<b>Số tài khoản :</b>	12704060024671	<b>Tên TK:</b>	CTY CP TƯ VẤN ĐẦU VIỆT ÚC
<b>Địa chỉ:</b>	SỐ 2/16D TRUNG HÀNH 5, ĐĂNG LÂM, HẢI AN, HP		
<b>Loại phí:</b>	MT9 - PHI DVU MOBILE BANKING 2DT	20.000 VND	<b>Số tiền tính phí :</b>
<b>Số tiền trước thuế:</b>		20.000 VND	<b>Tỷ giá:</b> 1
<b>Thuế suất:</b>	10%	<b>Nội dung:</b>	
<b>VAT:</b>	2.000 VND	<b>Số tiền sau thuế:</b>	22.000 VND
<b>Số tiền sau thuế bằng chữ:</b>	Hai mươi hai nghìn đồng		

NGƯỜI BÁN HÀNG

KIỂM SOÁT

KHÁCH HÀNG



Biểu số 2.19: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm,

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	SH TK đổi ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....	.....
03/ 12	PC/ 235	03/ 12	Xăng Mogas	×	6422	952.500	
				×	1111		952.500
				×	1331	95.250	
				×	1111		95.250
08/ 12	NH/ T12	08/ 12	Phí chuyển tiền	×	6422	22.000	
				×	1124		22.000
30/ 2	HT/ 026	30/ 12	Hạch toán lương tháng 12	×	6422	43.446.000	
				×	334		43.446.000
...	...	...	....	...	....	....	....
			<b>Tổng</b>			<b>38.058.705.875</b>	<b>38.058.705.875</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.20: Sổ cái tài khoản 642

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm,  
Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Chi phí quản lí kinh doanh

Số hiệu: 642

Đơn vị tính: đồng

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>- Số dư đầu năm</b>			
...	....	...	....	....	....	.....
03/ 12	PC/ 235	03/ 12	Xăng Mogas	1111	952.500	
08/ 12	NH/ T12	08/ 12	Phí chuyển tiền	1124	22.000	
31/ 12	HT/ 026	30/ 12	Hạch toán lương tháng 12	334	43.446.000	
31/ 12	HT/ 032	31/ 12	Kết chuyển	911		1.549.854.609
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>1.549.854.609</b>	<b>1.549.854.609</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.2.4 Kế toán chi phí khác**

Các khoản chi phí khác tại công ty chủ yếu là các nghiệp vụ như: lãi phạt chậm nộp bảo hiểm, chi phí dịch vụ du lịch, khấu hao TSCĐ ,.....

❖ Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi
- Các chứng từ liên quan khác

❖ Tài khoản sử dụng

TK 811: Chi phí khác

❖ Trình tự hạch toán

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ, kế toán phân loại ghi vào sổ nhật ký chung và ghi vào sổ cái TK 811. Cuối kỳ tổng hợp kết chuyển sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

VÍ DU: Ngày 30/11/2012 Thanh toán chi phí đi du lịch tại Vũng Tàu số tiền 788.865 đ

Kế toán hạch toán:

Nợ TK 811: 788.865

Có TK 1111: 788.865

Biểu số 2.21: Hóa đơn GTGT số 0054127

<b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> Liên 2: Giao khách hàng		Mẫu số: 01GTKT2/001 Ký hiệu: AA/13P Số: 0054127			
Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DA VÀNG – LAN RỪNG RESORT Mã số thuế: 350042219223 Địa chỉ: Số 03 Hạ Long, phường 2, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Số tài khoản: 0081000712389 Điện thoại: 064.3.521577 Fax: 064.3.521577					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc Địa chỉ : Số 2/16D, Trung Hành 5, Hải An, Hải Phòng Số tài khoản:					
<b>Hình thức thanh toán: TM/CK</b>					
STT	Dịch vụ sử dụng	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
	Thực ăn, uống				717.150
Cộng tiền dịch vụ (1):					717.150
Tiền thuế GTGT (2):					71.715
Tổng cộng tiền thanh toán (1+2):					788.865
<b>Số tiền viết bằng chữ:</b> Bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm sáu lăm đồng chẵn					
<i>Ngày 20 tháng 11 năm 2012</i>					
<b>Người nộp tiền ký</b>			<b>Nhân viên giao dịch ký</b>		

**Biểu số 2.22: Phiếu chi số 219**

Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT Việt Úc

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đằng  
Lâm, Hải An, HP

(Ban hành theo quyết định số:  
48/2006/QĐ- BTC ngày 14/9/2006 của Bộ  
trưởng BTC)

**PHIẾU CHI**

*Quyển số*

*Ngày: 30/11/2012*

Số: 219

Nợ TK 811: 788.865 đ

Có TK 1111: 788.865 đ

Họ và tên người nhận tiền: Trịnh KHắc Điện

Địa chỉ:

Lý do chi: Thanh toán tiền chi phí du lịch

Số tiền: 788.865

Bằng chữ (./): Bảy trăm tám mươi tám nghìn tám trăm sáu lăm đồng chẵn

Kèm theo 1 Chứng từ gốc

*Ngày : 30/11/2012*

**Giám đốc**  
*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

**Kế toán**  
*(Ký, họ tên)*

**Thủ quỹ**  
*(Ký, họ tên)*

**Người nhận**  
*(Ký, họ tên)*

Biểu số 2.23: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm,  
Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2012

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....	.....
30/ 11	PC/ 219	30/ 11	Dịch vụ du lịch	×	811 1111	788.865	788.865
15/ 12	PC/ 230	15/ 12	Thanh toán phí học tiếng anh	×	811 1111	650.000	650.000
30/ 12	PC/ 245	30/ 12	Dịch vụ du lịch	×	811 1111	15.147.275	15.147.275
...	...	...	....	...	....	....	....
			<b>Tổng</b>			<b>38.058.705.875</b>	<b>38.058.705.875</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.24: Sổ cái tài khoản 811

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Lâm, Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Chi phí khác

Số hiệu: 811

*Đơn vị tính: đồng*

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>- Số dư đầu năm</b>			
...	....	...	....	....	....	....
30/ 11	PC/ 219	30/ 11	Dịch vụ du lịch	1111	788.865	
15/ 12	PC/ 230	15/ 12	Thanh toán tiền học phí tiếng anh	1111	650.000	
30/ 12	PC/ 245	30/ 12	Dịch vụ du lịch	1111	15.147.275	
31/ 12	HT/ 033	31/ 12	Kết chuyển	911		54.887.380
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>54.887.380</b>	<b>54.887.380</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**2.2.3 Thực trạng công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh**

Kết quả kinh doanh của công ty là tổng hợp kết quả từ 3 hoạt động: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác, trong đó hoạt động sản xuất kinh doanh là hoạt động chủ đạo và là chức năng chính của công ty.

Để xác định kết quả kinh doanh kế toán thực hiện các bút toán kết chuyển doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

❖ Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

❖ Trình tự hạch toán

Cuối kỳ căn cứ vào các sổ cái tài khoản 511,515,632,635,642,711,811 thực hiện kết chuyển sang tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh.

VÍ DỤ: Ngày 31/12/2012 Kế toán tiến hành xác định kết quả kinh doanh của công ty

Kế toán hạch toán:

a- Nợ TK 5111: 2.896.327.068  
 Có TK 911: 2.896.327.068

e- Nợ TK 911: 1.549.854.609  
 Có TK 642:

1.549.854.609

b- Nợ TK 515: 4.835.011  
 Có TK 911: 4.835.011

f- Nợ TK 911: 54.887.380  
 Có TK 811: 54.887.380

c- Nợ TK 911: 2.409.701.327  
 Có TK 632: 2.409.701.327

g- Nợ TK 711: 325.125  
 Có TK 911: 325.125

d- Nợ TK 911: 64.500.000  
 Có TK 635: 64.500.000

h- Nợ TK421: 1.177.456.112  
 Có TK 911: 1.177.456.112



*Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc*

*Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng*

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: HT/031

TT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	2.896.327.068
2	Kết chuyển doanh thu tài chính	515	911	4.835.011
	<b>Tổng cộng</b>			<b>2.901.162.079</b>

Ngày 31/12/2012

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

*Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc*

*Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng*

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: HT/032

TT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn	911	632	2.409.701.327
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	64.500.000
3	Kết chuyển chi phí quản lý	911	642	1.549.854.609
	<b>Tổng cộng</b>			<b>4.024.055.936</b>

Ngày 31/12/2012

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

*Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc*

*Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng*

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: HT/033

TT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí khác	911	811	54.887.380
	<b>Tổng cộng</b>			<b>54.887.380</b>

Ngày 31/12/2012

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

*Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc*

*Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng*

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: HT/034

TT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển thu nhập khác	711	911	325.125
	<b>Tổng cộng</b>			<b>325.125</b>

Ngày 31/12/2012

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

*Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc*

*Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng*

**PHIẾU KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: HT/035

TT	Nội dung	Tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lỗ	421	911	1.177.456.112
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.177.456.112</b>

Ngày 31/12/2012

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

**Biểu số 2.30: Sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Lâm, Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm: 2012

*Đơn vị tính: đồng*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi số Cái	SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	....	...	....	....	....	....	....
31/ 12	HT/ 031	31/ 12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	×	511 911	2.896.327.068	2.896.327.068
31/ 12	HT/ 031	31/ 12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	×	515 911	4.835.011	4.835.011
31/ 12	HT/ 032	31/ 12	Kết chuyển giá vốn	×	911 632	2.409.701.327	2.409.701.327
31/ 12	HT/ 032	31/ 12	Kết chuyển chi phí tài chính	×	911 635	64.500.000	64.500.000
31/ 12	HT/ 032	31/ 12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	×	911 642	1.549.854.609	1.549.854.609
31/ 12	HT/ 033	31/ 12	Kết chuyển chi phí khác	×	911 811	54.887.380	54.887.380
31/ 12	HT/ 034	31/ 12	Kết chuyển thu nhập khác	×	711 911	325.125	325.125
31/ 12	HT/ 035	31/ 12	Kết chuyển lỗ	×	421 911	1.177.456.112	1.177.456.112
			<b>Tổng</b>			<b>38.058.705.875</b>	<b>38.058.705.875</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.31: Sổ cái tài khoản 911**

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc  
 Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm,  
 Hải An, Hải Phòng

Mẫu số: S03b – DNN  
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC  
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu: 911

*Đơn vị tính: đồng*

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>- Số dư đầu năm</b>			
31/12	HT/031	31/ 12	K/c doanh thu bán hàng	511		2.896.327.068
31/12	HT/031	31/ 12	K/c doanh thu HĐTC	515		4.835.011
31/12	HT/032	31/ 12	K/c giá vốn	632	2.409.701.327	
31/12	HT/032	31/ 12	K/c chi phí tài chính	635	64.500.000	
31/ 12	HT/ 032	31/ 12	K/c chi phí QLKD	642	1.549.854.609	
31/ 12	HT/ 033	31/ 12	K/c chi phí khác	811	54.887.380	
31/ 12	HT/ 034	31/ 12	K/c thu nhập khác	711		325.125
31/ 12	HT/ 035	31/ 12	Kết chuyển lỗ	421		1.177.456.112
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>4.078.943.316</b>	<b>4.078.943.316</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>			

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.32: Sổ cái tài khoản 421

Đơn vị: Cty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S03b – DNN

Địa chỉ: Số2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm,

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Hải An, Hải Phòng

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

(Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký chung)

Năm: 2012

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

*Đơn vị tính: đồng*

NT	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>- Số dư đầu năm</b>			<b>37.700.136</b>
13/ 03	HT/ 005	13/ 03	Thuế GTGT không được hoàn lại	1331	3.792.377	
21/ 03	NH/ T03	21/ 03	Nộp thuế truy thu	1122	20.743.700	
31/ 12	HT/ 035	31/ 12	Kết chuyển lỗ	911	1.177.456.112	
			<b>- Cộng SPS</b>		<b>1.201.992.189</b>	<b>-</b>
			<b>- Số dư cuối tháng</b>		<b>1.164.292.053</b>	

*Ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Biểu số 2.33: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012

Đơn vị: Công ty CP Tư vấn ĐT Việt Úc

Mẫu số B 02 – DNN

Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2012

Người nộp thuế : Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mã số thuế : 0200783157

Địa chỉ, trụ sở : Số 2/16D, Trung Hành 5.Đằng Lâm

Quận/Huyện : Hải An Tỉnh/Thành Phố : Hải Phòng

Điện thoại

Fax:

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm Nay	Năm trước
A	B	C	1	2
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	IV.08	2.896.327.068	3.371.374.407
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>			
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 – 02)</b>	<b>10</b>		2.896.327.068	3.371.374.407
<b>4. Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>		2.409.701.327	2.750.969.158
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 – 11)</b>	<b>20</b>		486.625.741	620.405.249
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>		4.835.011	40.186.887
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>		64.500.000	
– Trong đó: Chi phí lãi vay	23		64.500.000	
<b>8. Chi phí quản lý kinh doanh</b>	<b>24</b>		1.549.854.609	812.969.861
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 – 22 – 24)</b>	<b>30</b>		(1.122.893.857)	(152.377.725)
<b>10. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		325.125	191.377.725
<b>11. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		54.887.380	1.883.924
<b>12. Lợi nhuận khác (40 = 31 – 32)</b>	<b>40</b>		(54.562.255)	189.285.823
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>	IV.09	(1.177.456.112)	36.908.098
<b>14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>51</b>			6.788.604
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)</b>	<b>60</b>		(1.177.456.112)	30.119.494

Lập, ngày 05 tháng 03 năm 2013

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Giám đốc  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

**CHƯƠNG 3:****MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ  
NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN  
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH  
DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC****3.1 NHẬN XÉT CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẠI CÔNG  
TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC.**

Trong suốt thời gian tồn tại và phát triển của công ty, bộ máy kế toán của công ty đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh luôn là một công cụ trợ giúp đắc lực cho các nhà quản trị. Bộ máy kế toán đã không ngừng được cải tổ, hoàn thiện để nâng cao hiệu quả lao động cũng như luôn cố gắng để đưa ra được những số liệu chính xác, phản ánh đúng tình hình hoạt động kinh doanh của công ty, giúp cho các nhà quản trị có những quyết định và chiến lược kinh doanh hợp lý, hiệu quả.

Qua thời gian thực tập tại công ty, với những quan sát và tìm hiểu của mình, tuy khả năng còn hạn chế, song với kiến thức đã học tại trường em xin đưa ra một vài nhận xét của mình về công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty như sau:

**3.1.1 Ưu điểm****3.1.1.1 Về bộ máy kế toán**

Tổ chức bộ máy kế toán là một trong những công việc quan trọng hàng đầu trong tổ chức công tác kế toán tại công ty. Nhìn chung, Công ty áp dụng mô hình kế toán tập trung, bộ máy kế toán được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hợp lý và phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty. Bên cạnh đó, giữa các nhân viên kế toán có sự phối hợp nhịp nhàng, phần hành kế toán được giao phù hợp với năng lực và trình độ chuyên môn của từng người. Chính vì thế, công tác hạch toán tại công ty được thực hiện một cách nhanh chóng, chính xác, tránh được tình trạng chồng chéo công việc là một trong những nguyên nhân dẫn đến nhầm lẫn và sai sót.

Đội ngũ nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn cao, có nhiều năm kinh nghiệm cùng với tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công việc. Các nhân viên trong phòng kế toán có mối quan hệ tốt đẹp với nhau và với các phòng ban khác. Điều này tạo rất nhiều thuận lợi trong công tác kế toán tại công ty.

Mỗi nhân viên kế toán chịu trách nhiệm về một phần hành kế toán nhất định và tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, thống nhất, tập trung của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn và nhiệm vụ kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các phần hành kế toán của các nhân viên trong phòng. Đồng thời là người chịu trách nhiệm cao nhất trong bộ phận kế toán. Điều này sẽ giúp giảm thiểu sai sót trong công tác kế toán cũng như phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp xảy ra sai sót. Ngoài ra kế toán trưởng còn tổ chức và thi hành củng cố hoàn thiện chế độ kế toán của công ty theo yêu cầu đổi mới của công ty, đổi mới của chế độ quản lý.

### **3.1.1.2 Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng**

#### **❖ Hình thức kế toán**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung với ưu điểm: dễ hiểu, dễ ghi chép, dễ áp dụng và phát hiện sai sót, phù hợp với tình hình hoạt động của công ty.

Đây là hình thức kế toán đơn giản, mẫu sổ dễ hiểu, dễ ghi chép, thuận tiện cho việc phân công lao động kế toán. Việc ghi chép dựa trên cơ sở các chứng từ hợp pháp và đã được sắp xếp khoa học nên số liệu trên sổ kế toán trùng khớp với số liệu trên chứng từ.

#### **❖ Chứng từ kế toán**

- Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

- Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Kế toán phần hành nào thì lưu giữ chứng từ của phần hành đó, không chòng chéo.

- Quá trình luân chuyển chứng từ hợp lý, được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục.

#### **❖ Hệ thống tài khoản sử dụng**

- Công ty đã áp dụng đúng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định 48/QĐ – BTC ngày 14/9/2006 của Bộ Tài Chính.

- Hệ thống tài khoản được lập theo đúng quy định của Bộ Tài Chính và được chi tiết theo yêu cầu của công ty. Ví dụ như:

+Tài khoản 112: Tiền gửi ngân hàng. Công ty đã mở theo dõi cho từng ngân hàng như sau:

TK 1121: Ngân hàng BIDV

TK 1122: Ngân hàng Quân đội

TK 1123: Ngân hàng ACB

TK 1124: Ngân hàng VIB

TK 1125: Ngân hàng MB

❖ Hệ thống sổ sách sử dụng

Tổ chức hệ thống sổ kế toán là một nghệ thuật vận dụng hệ thống Tài khoản kế toán. Công ty đã mở một hệ thống sổ sách hợp lý, hoàn chỉnh, gọn nhẹ, có độ tin cậy cao, tạo điều kiện thuận lợi trong việc phân tích hoạt động kinh doanh.

❖ Về tổ chức kế toán doanh thu

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, doanh thu được xác định một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện ghi nhận doanh thu.

❖ Về tổ chức kế toán chi phí

Các chi phí phát sinh được ghi chép một cách đầy đủ, kịp thời và hợp lý giúp cho ban lãnh đạo nắm được tình hình để công việc quản lý được chặt chẽ hơn. Từ đó sẽ đưa ra được các chính sách tiết kiệm chi phí.

### **3.1.2 Hạn chế**

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc còn những mặt hạn chế như sau:

❖ Về tổ chức công tác kế toán

Do áp dụng mô hình kế toán tập trung nên khối lượng công việc của kế toán khá nhiều trong khi đó công ty lại không sử dụng phần mềm kế toán dẫn đến việc xử lý các nghiệp vụ phát sinh còn chậm hay nhầm lẫn, xảy ra sai sót là điều khó tránh khỏi. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc lập báo cáo tài chính, việc ra quyết định điều chỉnh hoạt động kinh doanh của người quản lý.

❖ Về việc thu hồi nợ

Trong quá trình hoạt động, công ty có khá nhiều khách hàng nợ tiền thuê văn phòng quá hạn. Vì vậy, công ty cần mở sổ chi tiết thanh toán với người mua để theo dõi việc thanh toán (theo từng đối tượng, thời hạn thanh toán)

❖ Về chính sách ưu đãi

Theo báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh những năm gần đây, công ty chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mới đến thuê văn phòng cũng như chiết khấu thương mại cho các khách hàng thuê văn phòng lâu năm dẫn đến:

- Mất dần các khách hàng lâu năm, các khách hàng tiềm năng vì trên thị trường có rất nhiều cao ốc văn phòng mới xây dựng cũng như các cao ốc văn phòng đang áp dụng các biện pháp này nhằm thu hút khách hàng.

- Không có các chính sách ưu đãi khách hàng sẽ chậm thanh toán hơn

## **3.2 MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN ĐẦU TƯ VIỆT ÚC.**

### **3.2.1 Sự cần thiết phải hoàn thiện**

Trước những biến đổi sâu sắc của nền kinh tế toán cầu, mức độ cạnh tranh về hàng hóa dịch vụ giữa các doanh nghiệp ngày càng khốc liệt nhất là khi Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới (WTO). Điều này đã đem lại nhiều cơ hội cũng như thách thức lớn cho các doanh nghiệp. Do đó, các doanh nghiệp phải không ngừng vươn lên, phát huy hết tiềm năng của mình để hoạt động kinh doanh được hiệu quả nhất. Muốn vậy, trước hết doanh nghiệp phải hoàn thiện, đổi mới công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý vì kế toán là một công cụ quản lý rất quan trọng không thể bỏ qua.

Đối với doanh nghiệp, việc xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng kết thúc quá trình kinh doanh của doanh nghiệp nên đóng vai trò quan trọng. Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại các doanh nghiệp Việt Nam còn thụ động, chỉ dừng ở mức độ ghi chép, cung cấp thông tin mà chưa có sự tác động tích cực. Việc xác định đúng doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở cho các nhà quản lý điều chỉnh hoạt động kinh doanh để tăng doanh thu, hạ thấp chi phí, xác định đúng mục tiêu chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do đó, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là rất thiết thực.

### **3.2.2 Nguyên tắc của việc hoàn thiện**

- Hoàn thiện dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định cũng như các chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhưng cũng không phải rập khuôn máy móc theo đúng chế độ mà phải vận dụng sáng tạo.

- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm kinh doanh của doanh nghiệp sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu của nhà quản lý.

- Hoàn thiện phải hướng tới vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào quá trình hạch toán sao cho đơn giản, dễ hiểu mà lại phản ánh chính xác, đầy đủ tình hình tài chính của doanh nghiệp.

### **3.2.3 Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.**

#### Kiến nghị 1: Về tổ chức công tác kế toán

Công ty nên đưa phần mềm kế toán vào sử dụng để góp phần hiện đại hóa công tác quản lý nâng cao chất lượng công tác quản lý, đồng thời tiết kiệm thời gian và đem lại tính chính xác hiệu quả trong công tác kế toán.

- Việc sử dụng phần mềm kế toán khá đơn giản, không bị phức tạp hóa trong việc đưa vào các công thức tính toán.

- Các kế toán viên có thể kiểm tra các nghiệp vụ xem đã chính xác hay chưa khi xem sổ sách.

- Định kỳ, phần mềm sẽ tự động khóa sổ và chuyển tiếp số liệu sang kỳ tiếp theo.

- Chi phí để mua phần mềm kế toán không quá lớn (khoảng 10 triệu đồng)

Công ty có thể lựa chọn một số phần mềm kế toán phổ biến hiện nay như:

- Phần mềm kế toán MISA: phần mềm này áp dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, công nghệ, sản xuất, xây dựng, giao thông .... có nhu cầu sử dụng thuần nhất chức năng kế toán. Phần mềm có tính bảo mật cao thông qua cơ chế phân quyền và cho phép ghi lại tất cả các thao tác của người sử dụng nên nhà quản trị có thể theo dõi được nguyên nhân gây ra việc thay đổi số liệu kế toán. Khi cần tìm hay kiểm tra các chứng từ, có thể dễ dàng tra cứu chứng từ gốc một cách nhanh chóng, chính xác.

- Phần mềm FAST ACCOUNTING: có nhiều tính năng mạnh và nhiều tiện ích giúp cho việc sử dụng chương trình được dễ dàng và khai thác chương trình được hiệu quả.

+ Tự động lập các báo cáo tổng hợp, báo cáo về thuế GTGT

+ Cung cấp các thông tin tức thời phục vụ quản lý kinh doanh

+ Kết nối trực tiếp phần mềm hỗ trợ kê khai thuế phiên bản mới nhất.

+ Bảo mật bằng mật khẩu, phân quyền truy cập đến từng chức năng.

- Phần mềm kê toán SAS INNOVA:
  - + Là phần mềm thiết kế đơn giản, dễ sử dụng
  - + Đưa vào trợ giúp quy trình mẫu, kiến thức thuế, kê toán, tài chính, các quy chế nội bộ
  - + Tính giá thành định mức hoàn hảo
  - + Tích hợp mã vạch 2 chiều để in tờ khai thuế
  - + Cho phép copy tất cả các chứng từ trên tất cả các phiếu
  - + Cho phép thao tác các nghiệp vụ trên phiếu
  - + Quản lý số liệu theo nhiều đơn vị, nhiều xí nghiệp, thành viên, nhiều mảng hoạt động.

**Kiến nghị 2:** Về việc thu hồi nợ

Để giúp công ty thu hồi các khoản nợ phải thu nhanh chóng, cần coi trọng các biện pháp sau:

- Mở sổ chi tiết các khoản nợ phải thu trong và ngoài công ty, theo dõi và thường xuyên đôn đốc để thu hồi đúng hạn. Cụ thể: khi gần đến hạn trả tiền công ty nên gửi thông báo yêu cầu trả nợ trước 2-3 ngày để nhắc nhở khách hàng đến hạn trả tiền hoặc phân công người đến gặp trực tiếp khách hàng. Nếu nợ quá nhiều thì công ty sẽ ngưng cung cấp dịch vụ cho khách hàng. Hơn nữa, công ty nên chủ động tìm hiểu tình hình tài chính của khách hàng để giảm thiểu rủi ro.

- Có biện pháp phòng ngừa rủi ro khi không được thanh toán như: lựa chọn khách hàng cho chậm thanh toán, giới hạn giá trị tín dụng, yêu cầu đặt cọc,....

- Có sự ràng buộc chặt chẽ trong hợp đồng, nếu vượt quá thời hạn thanh toán thì công ty được thu lãi suất tương ứng với lãi suất quá hạn của ngân hàng.

- Ngoài ra, công ty nên áp dụng hơn nữa các khoản chiết khấu thanh toán cho khách hàng thường xuyên, có uy tín, luôn thanh toán đúng và trước hạn.

**VÍ DỤ:** Ngày 05/03/2012 Công ty TNHH TMVT&DV Hải thiên chưa thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 2, số tiền 9.309.091đ chưa thuế VAT 10%

**Biểu số 2.34: Sổ chi tiết công nợ khách hàng**

Đơn vị: Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc

Mẫu số: S13 – DNN

Địa chỉ: Số 2/16D Trung Hành 5, Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ – BTC)

Ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CHI TIẾT CÔNG NỢ KHÁCH HÀNG (TK 131)**

Tên khách hàng: Công ty TNHH TMVT&DV Hải thiên

Loại tiền: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			<b>- Số dư đầu kỳ</b>						
....	....	....	.....	...	....	....	....	....	....
05/03	HĐ0025021	05/03	Tiền thuê VP tháng 2	5113		9.309.091		15.872.091	
			Thuế GTGT	3331		930.909		16.803.000	
....	....	....	.....	....	....	....	....	....	....
			<b>- Cộng số phát sinh</b>			<b>46.800.000</b>	<b>39.000.000</b>		
			<b>- Số dư cuối kỳ</b>					<b>7.800.000</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Người ghi sổ**

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)



**Kiến nghị 3: Về chính sách ưu đãi**

Hiện nay trên địa bàn thành phố có rất nhiều các cao ốc văn phòng được xây dựng nên tình hình cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt. Hơn nữa, 30% diện tích mặt bằng của công ty vẫn còn để trống, rất lãng phí ( theo số liệu năm 2012 công ty có 19 khách hàng là các doanh nghiệp lớn, nhỏ chiếm khoảng 70%). Vì vậy việc thu hút các khách hàng mới cũng như giữ được các khách hàng lâu năm là rất quan trọng. Để làm được điều này, công ty nên có chính sách khuyến khích các khách hàng khi đến thuê văn phòng bằng cách áp dụng chính sách chiết khấu thương mại hoặc giảm giá hàng bán.

Công ty có thể áp dụng chính sách ưu đãi trong một số trường hợp sau:

- Đối với khách hàng lâu năm ký kết hợp đồng với công ty bắt đầu từ lần thứ 2 trở đi, công ty có thể giảm giá thuê văn phòng theo tỷ lệ phần trăm nào đó.

Ví dụ: công ty nên đưa ra cụ thể mức giảm giá cho từng loại hợp đồng

Loại hợp đồng	Giá thuê ban đầu	Tỷ lệ giảm	Giá thuê đã giảm
HĐ ngắn hạn	160.000 đ/m <sup>2</sup>	2%	156.800 đ/m <sup>2</sup>
HĐ dài hạn (6 – 12 tháng)	160.000 đ/m <sup>2</sup>	5%	152.000 đ/m <sup>2</sup>
HĐ dài hạn (> 1 năm)	160.000 đ/m <sup>2</sup>	8%	147.200 đ/m <sup>2</sup>

- Đối với khách hàng mới, công ty nên áp dụng chính sách ưu đãi đặc biệt hơn như giảm 50% giá thuê văn phòng trong tháng đầu tiên sử dụng nhằm thu hút khách hàng, tạo lợi thế cạnh tranh với các cao ốc văn phòng khác trên địa bàn.

- Đối với khách hàng đã kết thúc hợp đồng được một thời gian, khi quay trở lại cũng sẽ được hưởng những chính sách ưu đãi như khách hàng mới.

- Phương pháp hạch toán TK 5211- Chiết khấu thương mại: Phản ánh số giảm giá cho người mua hàng với khối lượng lớn được ghi trên hóa đơn bán hàng hoặc các chứng từ khác liên quan đến bán hàng.

- Chiết khấu thương mại trừ ngoài hóa đơn

1) Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, kế toán ghi:

Nợ TK 5211: Số chiết khấu khách hàng được hưởng

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112: Thanh toán ngay

Có TK 131: Trừ vào công nợ

2) Cuối kỳ, kết chuyển số tiền chiết khấu thương mại đã chấp nhận cho người mua hưởng sang tài khoản 511 để xác định doanh thu thuần:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5211: Chiết khấu thương mại

- Chiết khấu thương mại trừ trong hóa đơn

Nợ TK 111, 112, 131:

Có TK 3331: Thuế GTGT

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đã trừ chiết khấu thương mại

- Phương pháp hạch toán TK 5213 - Giảm giá hàng bán: Phản ánh các khoản giảm giá hàng bán so với giá ghi trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng thông thương phát sinh trong kỳ.

1) Khi phát sinh nghiệp vụ giảm giá hàng bán, kế toán ghi:

Nợ TK 5213: Giảm giá hàng bán

Nợ TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

Có TK 111, 112, 131, ...

2) Cuối kỳ hạch toán kết chuyển để điều chỉnh giảm doanh thu

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 5213: Giảm giá hàng bán

- Hiệu quả việc hoàn thiện

Với các chính sách ưu đãi này, công ty không chỉ giữ được các khách hàng lâu năm mà còn tăng được khối lượng khách hàng mới trong tương lai, tăng thêm năng lực cạnh tranh trên thị trường, góp phần hoàn thiện đầy đủ hơn nữa hệ thống tài khoản kế toán cho công ty.

Kiến nghị 4: Về việc nâng cao lợi nhuận hoạt động kinh doanh tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc.

- Tăng doanh thu

- Hiện tại công tác tiếp thị quảng cáo tại công ty hầu như chưa có vì vậy để có thể tiếp cận nhiều hơn với khách hàng, công ty nên có những biện pháp tuyên truyền quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm sử dụng triệt để những diện tích còn trống có thể cho thuê và mang lại lợi nhuận. Lưu ý, công ty cần nghiên cứu kỹ, phải tiến hành thăm dò thái độ của khách hàng, điều quan trọng cuối cùng phải đánh giá hiệu quả kinh tế của quảng cáo bằng cách so sánh chi phí bỏ ra với hiệu quả quảng cáo đem lại.

- Nâng cao chất lượng dịch vụ văn phòng cho thuê như: lắp đặt hệ thống camera trong nhà để xe, trang bị điều hòa cho toàn bộ tòa nhà, hệ thống báo cháy - chữa cháy,.....

- Công ty nên có một website riêng nhằm giới thiệu, cung cấp thông tin hoạt động của mình. Nó như một tấm danh thiếp giúp khách hàng có thể tìm hiểu về công ty dễ dàng. Một website tốt có thể gia tăng thêm số lượng khách hàng đáng kể, tạo ra cơ hội liên kết và hợp tác kinh doanh với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

- Ngoài ra, công ty nên nghiên cứu, tìm hiểu sang các ngành nghề kinh doanh khác trong số các hạng mục ngành nghề kinh doanh mà công ty đã đăng ký. Việc mở rộng lĩnh vực kinh doanh sẽ giúp cho công ty phát triển ngày càng lớn mạnh. Ví dụ như ngành dịch vụ phục vụ đồ uống ( mã ngành 5630 ). Việc kinh doanh thêm ngành nghề này sẽ đáp ứng được nhu cầu của nhân viên các công ty đang thuê tại Việt Úc do khu vực xung quanh tòa nhà hiện chưa có nơi nào kinh doanh ngành nghề này. Hơn nữa, kinh doanh ngay tại tòa nhà Việt Úc sẽ tận dụng được phần nào diện tích mặt bằng còn trống, góp phần hoàn thiện hơn nữa các tiện ích, nâng cao chất lượng dịch vụ của tòa nhà Việt Úc.

- Giảm chi phí

- Tăng cường ý thức tiết kiệm chi phí trong nhân viên.

- Nghiên cứu giảm bớt chi phí quản lý kinh doanh: tiến hành sắp xếp bộ máy quản lý gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả góp phần làm giảm chi phí quản lý.

- Quản lý chặt chẽ các chi phí gián tiếp, ban hành các quy định cụ thể và chi tiết như các chế độ đi tiếp khách, đi công tác, sử dụng điện nước, văn phòng phẩm,....với chế độ Nhà nước quy định phù hợp với điều kiện thực tế của công ty nhưng phải nằm trong giá thành kế hoạch đã được hoạch định. Những trường hợp vượt mức đều phải trừ vào các cá nhân đã sử dụng vượt mức đó.

- Liên tục đào tạo và nâng cao đội ngũ cán bộ kế toán để nâng cao nghiệp vụ kế toán đem lại hiệu quả làm việc được tốt hơn. Các cán bộ nhân viên kế toán phải có trình độ hiểu biết nhất định và nội dung về phương pháp kế toán cùng với những trang bị kỹ thuật, phương tiện ghi chép, tính toán thông tin kế toán từ khâu thu nhận kiểm tra xử lý đến khâu tổng hợp số liệu, cung cấp những chỉ tiêu kinh tế tài chính, những báo cáo về các hoạt động của đơn vị và các yêu cầu của các cơ quan chức năng.

**KẾT LUẬN**

----- \*\*\* -----

Mục tiêu hàng đầu của doanh nghiệp luôn là tối đa hóa lợi nhuận, Vì vậy việc tính toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều hết sức quan trọng. Việc tập trung phân tích hoạt động kinh doanh và phát triển công ty được xem là vấn đề quan trọng và là cốt lõi vì nó ảnh hưởng trực tiếp tới sự tồn tại và phát triển của công ty trên thị trường.

Qua quá trình tìm hiểu, phân tích về công tác “ Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh” tại công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc, em đã hiểu rõ hơn về cách thức tổ chức, làm việc nói chung và công việc thực tế nói riêng tại một công ty. Đồng thời em cũng đã mạnh dạn trình bày một vài ý kiến thấy được là những thiếu sót để công ty có biện pháp khắc phục, cũng như thấy được những ưu điểm cần phát huy để có hướng đầu tư và phát triển trong thời gian tới.

Với kiến thức của một sinh viên cũng như thời gian được tiếp cận thực tế có hạn nên khóa luận tốt nghiệp không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, em rất mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn cô giáo Ths. Phạm Thị Nga và toàn thể các anh chị trong công ty cổ phần tư vấn đầu tư Việt Úc đã giúp đỡ em hoàn thành khóa luận tốt nghiệp này.

Hải phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2014

Sinh viên

Ngô Thị Lê Phương